

Số: 175 /TB-BTT

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 3 năm 2018

**THÔNG BÁO MỜI HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên trân trọng kính mời quý Cổ đông đến tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018, như sau:

**1. Thời gian khai mạc: 7h00 ngày 10/4/2018**

**2. Địa điểm :** Số 18 Bảo Quốc, phường Phường Đúc, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

**3. Điều kiện tham dự họp**

- Tất cả các cổ đông hiện đang sở hữu cổ phần của Công ty có tên trong danh sách được Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt ngày 19/3/2018;

- Cổ đông không trực tiếp tham dự phiên họp ĐHĐCĐ có thể ủy quyền cho người khác tham dự họp. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản (theo mẫu gửi kèm).

**4. Nội dung họp ĐHĐCĐ:**

- Thông qua Báo cáo của Giám đốc công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và định hướng sản xuất kinh doanh năm 2018;

- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị công ty về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và định hướng Hoạt động năm 2018;

- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và định hướng Hoạt động năm 2018;

- Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 và phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2017;

- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

- Thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018;

- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018;

- Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ...

**5. Đăng ký tham dự phiên họp.**

- Quý cổ đông gửi đăng ký tham dự hoặc giấy ủy quyền (theo mẫu) về Công ty (qua Phòng TC-HC) trước 16h ngày 06/4/2018.

- Khi đến tham dự họp ĐHĐCĐ, Cổ đông vui lòng đến trước thời gian khai mạc ít nhất 10 phút và xuất trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông các giấy tờ sau: Thông báo mời họp, chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (bản chính) hoặc bản sao Giấy CNĐKKD và giấy ủy quyền họp lệ tham dự họp (nếu là người được ủy quyền) để kiểm tra tư cách cổ đông và nhận Thẻ/Phiếu biểu quyết.

**6. Tài liệu phiên họp ĐHĐCĐ**

Toàn bộ tài liệu phiên họp được đăng trên trang điện tử của Công ty: <http://dsbinhtrithien.vn> tại mục Quan hệ cổ đông.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Quý cổ đông;
- UBCK Nhà Nước; Sở GDCK Hà Nội;
- Trang Thông tin điện tử công ty;
- Lưu VT, TC-HC.



**CHƯƠNG TRÌNH**  
**HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**

1. Thời gian khai mạc: 07h00' ngày 10/4/2018

2. Địa điểm: Trụ sở Công ty - Số 18 Bảo Quốc, TP Huế, Thừa Thiên Huế.

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
06h30-07h00	<b>Công tác chuẩn bị:</b>	
	Đón tiếp đại biểu và cổ đông	Ban Tổ chức
	Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu	Ban KT tư cách cổ đông
07h00-07h20	<b>Khai mạc:</b>	
	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khai mạc	Ban Tổ chức
	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. Hướng dẫn thể lệ biểu quyết	Ban KT tư cách cổ đông
	Bầu Ban Chủ tọa.	Ban tổ chức
	Cử Ban Thư ký	Chủ tọa
	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu	
	Thông qua Chương trình, Quy chế Đại hội	Chủ tọa
	<b>Nội dung họp:</b>	
07h20-07h35	Báo cáo của Giám đốc công ty	Giám đốc
07h35-07h50	Báo cáo của Hội đồng quản trị	HDQT
07h50-08h00	Báo cáo của Ban kiểm soát	BKS
08h00-08h10	Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán	KT trưởng
08h10-08h20	Trình bày Tờ trình của HDQT trình ĐHĐCĐ	Chủ tọa
08h20-08h35	Thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình bằng phiếu biểu quyết	ĐHĐCĐ
08h35-08h55	- Kiểm phiếu biểu quyết - Giải lao	Ban kiểm phiếu
08h55-09h05	- Công bố kết quả biểu quyết	TB kiểm phiếu
09h05-09h20	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Ban Thư ký
09h20	Bế mạc Đại hội	Chủ tọa



**QUY CHẾ  
TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 ;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên;

Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên như sau:

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (sau đây gọi là "phiên họp") Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên.

2. Quy chế này quy định quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông, và các bên tham gia Phiên họp, điều kiện, thể thức tiến hành Phiên họp và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 2. Mục tiêu**

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Phiên họp được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định của pháp luật.

**Chương II**

**ĐIỀU KIỆN THAM DỰ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI  
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Điều 3. Điều kiện tham dự Phiên họp**

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự họp lệ được quyền tham gia Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

**Điều 4. Quyền của cổ đông khi tham dự Phiên họp**

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
2. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Phiên họp Đại hội đồng cổ đông;
3. Ban tổ chức sẽ thông báo công khai toàn bộ nội dung chương trình Phiên họp. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Phiên họp Đại hội đồng cổ đông;

4. Tại Phiên họp Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự phải mang theo Thông báo mời họp, Giấy tờ tùy thân (CMND hoặc hộ chiếu..) và Giấy ủy quyền (đối với trường hợp được ủy quyền) cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một Thẻ biểu quyết, một tờ Phiếu biểu quyết (ghi mã đại biểu tham dự và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình). Giá trị biểu quyết của Thẻ/Phiếu mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Phiên họp trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Phiên họp;

5. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự Phiên họp sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết;

6. Các cổ đông có quyền đưa ra ý kiến của mình về các nội dung của Phiên họp tại phần thảo luận bằng cách giơ tay phát biểu hoặc ghi câu hỏi ra giấy;

7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Phiên họp, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dùng Phiên họp để cổ đông đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

#### **Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Phiên họp**

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự Phiên họp mang theo các giấy tờ sau:

a. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

b. Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực;

c. Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm thư mời họp (trường hợp được ủy quyền tham dự Phiên họp: Trường hợp Cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi Cổ đông đó; Trường hợp Cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó).

d. Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Phiên họp sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc/và đại diện ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

2. Người được ủy quyền tham dự Phiên họp không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

3. Trong thời gian diễn ra Phiên họp, Cổ đông/ đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của Phiên họp, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

4. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Phiên họp phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp hiện hành.

5. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Phiên họp.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Phiên họp**

1. Chủ tọa Phiên họp có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Chủ trì, điều khiển Phiên họp; Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Phiên họp một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Phiên họp phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

b. Quyết định của Chủ tọa Phiên họp về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Phiên họp sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

c. Hướng dẫn cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Phiên họp;

d. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để cổ đông biểu quyết;

e. Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban chủ tọa trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu;

f. Bất cứ lúc nào Chủ tọa có quyền trì hoãn Phiên họp đến một thời điểm khác tại một địa điểm khác (phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên khi Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua) mà không cần lấy ý kiến của cổ đông nếu nhận thấy rằng:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Phiên họp được tiến hành một cách hợp lệ;

2. Chủ tọa Phiên họp có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

- Thực hiện các biện pháp nhằm duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Phiên họp.

### **Điều 7. Ban thư ký Phiên họp**

1. Ban thư ký Phiên họp gồm 02 thành viên do chủ tọa cử để giúp việc ghi chép diễn biến của phiên họp. Ban thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa, có nhiệm vụ:

a. Ghi chép, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ các nội dung biên bản đối với diễn biến của Phiên họp, dự thảo các văn kiện, kết luận và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi có yêu cầu; trình bày trước Phiên họp về Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Phiên họp;

b. Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

### **Điều 8. Ban kiểm tra tư cách cổ đông**

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Phiên họp do Hội đồng quản trị công ty thành lập, gồm 01 Trưởng ban và các thành viên, có chức năng và nhiệm vụ sau:

a. Kiểm tra tư cách dự họp của cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình: Kiểm tra Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu, Thư mời họp, Giấy ủy quyền và các tài liệu kèm theo (nếu có);

b. Phát cho cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông Thẻ biểu quyết và các tài liệu của Phiên họp;

c. Tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Phiên họp.

2. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Phiên họp thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết và phát tài liệu của Phiên họp.

### **Điều 9. Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa, gồm 01 Trưởng ban và các thành viên.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Hướng dẫn cổ đông tham dự Phiên họp cách sử dụng thẻ biểu quyết; thực hiện việc đếm số biểu quyết theo từng loại: Tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi cổ đông biểu quyết;

b. Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Phiên họp;

c. Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của Phiên họp;

d. Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu cho thư ký Phiên họp;

e. Cùng Chủ tọa Phiên họp xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết (nếu có) và báo cáo để Phiên họp đồng cổ đông quyết định;

f. Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

## **Chương III**

### **TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH PHIÊN HỌP**

#### **Điều 10. Điều kiện tiến hành Phiên họp**

1. Cuộc họp Phiên họp đồng cổ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để triệu tập Phiên họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Phiên họp có thể tiến hành theo quy định.

2. Phiên họp được thực hiện theo Chương trình Phiên họp được Ban tổ chức chuẩn bị và thông qua tại Phiên họp.

3. Phiên họp sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Phiên họp.

#### **Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc**

1. Chương trình, nội dung của phiên họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trường hợp có sự thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Thông báo mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Phiên họp**

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Phiên họp, chủ tọa Phiên họp có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp. Cổ đông tham dự Phiên họp phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự

569  
TỶ  
AN  
SẢ  
THIỆ  
QUAT

đồng ý của Chủ tọa Phiên họp hoặc điền vào phiếu câu hỏi gửi cho Ban chủ tọa. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuân tự từng cổ đông trình bày ý kiến của mình.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Phiên họp đã được thông qua. Nội dung đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của Doanh nghiệp.

3. Phiên họp thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 05 phút/lần. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Phiên họp có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban thư ký Phiên họp phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

### **Điều 13. Thông qua các quyết định tại Phiên họp**

Các quyết định của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được thông qua đảm bảo đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

### **Điều 14. Biên bản Phiên họp, dự thảo Nghị quyết Phiên họp**

1. Biên bản Phiên họp: Tất cả các nội dung tại Phiên họp phải được Ban thư ký ghi vào biên bản. Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Phiên họp.

2. Căn cứ biên bản Phiên họp, Thư ký Phiên họp sẽ tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo Nghị quyết Phiên họp. Dự thảo Nghị quyết Phiên họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc Phiên họp.

3. Biên bản, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Thông báo mời họp được lưu giữ tại Công ty theo quy định.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

#### **Điều 15. Trật tự Phiên họp**

- Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Phiên họp Đại hội đồng cổ đông phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Phiên họp hướng dẫn, tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức Phiên họp.

- Cổ đông có nhu cầu sao chép tài liệu, ghi âm phải đăng ký với Chủ tọa và hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp có những thông tin sai lệch với nội dung Phiên họp.

- Giữ trật tự Phiên họp, không sử dụng điện thoại di động trong quá trình họp. Tất cả các máy điện thoại khi mang vào cuộc họp phải tắt máy hoặc để ở chế độ rung.

- Chấp hành quy chế tổ chức Phiên họp và sự điều khiển của Chủ tọa.

#### **Điều 16. Trường hợp tiến hành Phiên họp không thành**

1. Trường hợp Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần đường sắt Bình trị Thiên không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 10 Quy chế này thì việc triệu tập họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Phiên họp lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các cổ đông và các đại diện theo ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp phiên họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Phiên họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện theo ủy quyền tham dự và được coi hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Phiên họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có quyền phê chuẩn.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 17. Hiệu lực thi hành, tổ chức thực hiện**

1. Quy chế này gồm 05 chương, 17 Điều có hiệu lực thi hành khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Chủ tọa Phiên họp có trách nhiệm điều hành Phiên họp theo Quy chế này.
3. Cổ đông và những người tham dự Phiên họp có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.



**Võ Dũng**



## THẺ LỆ BIỂU QUYẾT

Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên

### 1. Các quy định chung

- Việc biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 phải tuân thủ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Thẻ lệ biểu quyết này;

- Nguyên tắc biểu quyết: công khai, trực tiếp.

### 2. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết

Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông theo ủy quyền đến dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được phát một "Thẻ biểu quyết" và một "Phiếu biểu quyết" có ghi mã số của cổ đông/đại diện cổ đông theo ủy quyền và tổng số cổ phần Cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng.

**2.1. Biểu quyết bằng cách giơ "Thẻ biểu quyết" khi Đoàn Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề sau:**

- Nguyên tắc và thẻ lệ biểu quyết;
- Bầu Đoàn Chủ tọa, Ban Kiểm phiếu;
- Chương trình Đại hội;
- Quy chế tổ chức Đại hội;
- Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

**2.2. Biểu quyết bằng "Phiếu biểu quyết" khi Đoàn chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề sau:**

- Thông qua Báo cáo của Giám đốc công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và định hướng sản xuất kinh doanh năm 2018;
- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị công ty về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và định hướng Hoạt động năm 2018;
- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và định hướng Hoạt động năm 2018;
- Thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán năm 2017 và phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2017;
- Thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018;
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018;
- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.



### 3. Trình tự biểu quyết:

- Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông theo ủy quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện.

- Khi được phát Thẻ biểu quyết/ Phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện cổ đông theo ủy quyền phải kiểm tra lại tổng số cổ phần của phiếu được phát. Nếu tổng số cổ phần ghi trên phiếu được phát không đúng với tổng số cổ phần của Cổ đông/đại diện cổ đông theo ủy quyền đó sở hữu/đại diện thì Cổ đông/đại diện cổ đông theo ủy quyền phải thông báo ngay cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại thời điểm nhận thẻ.

- Tùy theo thực tế, Chủ tọa Đại hội sẽ lựa chọn cách thức đếm thẻ biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến để thực hiện việc kiểm phiếu biểu quyết được thuận lợi. Kết quả biểu quyết được Chủ tọa thông báo công khai ngay tại phiên họp. Việc tổng hợp kết quả biểu quyết do Ban kiểm phiếu thực hiện.

- Kết quả biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” là tổng số cổ phần sở hữu được cộng từ các thẻ biểu quyết tương ứng.

### 4. Các quy định khác

- Trường hợp cổ đông rời phiên họp trước khi kết thúc phiên họp mà không thông báo với Ban tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

- Mọi cổ đông đều có quyền chất vấn trước phiên họp về các vấn đề có liên quan đến nội dung biểu quyết. Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết chỉ được xem xét ngay tại phiên họp. Chủ tọa sẽ giải quyết những khiếu nại về kết quả biểu quyết và được ghi vào Biên bản phiên họp.

- Thẻ lệ biểu quyết này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ được áp dụng tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



*[Signature]*  
Võ Dũng

Số: 01-18 /BC-ĐHĐCĐ

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC  
Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên;*

*Ban Giám đốc Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2018 như sau:*

**I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017:**

**1. Đặc điểm tình hình:**

**a. Thuận lợi:**

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết của Hội đồng quản trị về phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh được triển khai sớm, tạo điều kiện để Ban Giám đốc chủ động trong công tác điều hành các mặt hoạt động trong năm 2017;

Bộ Giao thông vận tải và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam sớm ban hành quyết định đặt hàng sản phẩm quản lý, bảo trì KCHT đường sắt, giải quyết kinh phí tạm ứng vốn sự nghiệp kinh tế tạo điều kiện về nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh được giải quyết kịp thời;

Nguồn kinh phí vật liệu được quan tâm đầu tư đã góp phần nâng chất lượng cầu đường, đảm bảo an toàn chạy tàu;

Tập thể lãnh đạo Công ty và CBCNV luôn đoàn kết, thống nhất để cùng thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ được giao;

**b. Khó khăn:**

Bước vào năm 2017, trong điều kiện khó khăn chung của ngành giao thông vận tải do nguồn vốn đầu tư cho các công trình kết cấu hạ tầng giao thông bị giảm sút, kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế đường sắt không tăng so với năm 2016, công tác tìm kiếm thêm việc làm ngoài sản xuất chính gặp khó khăn đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Mặt khác, trạng thái kết cấu hạ tầng đường sắt vẫn thiếu sự ổn định vững chắc do lâu ngày không được nâng cấp đầu tư sửa chữa. Địa bàn Công ty quản lý vẫn còn 23,752 km đường chính tuyến sử dụng ray P38, tà vẹt sắt qua quá trình khai thác lâu dài đã bị mòn, nứt vỡ hàng loạt dẫn đến tiềm ẩn nguy cơ đe dọa an toàn chạy tàu;

Ngoài ra, lực lượng lao động giảm nhiều, ảnh hưởng đến việc bố trí nhân lực cho các cung cầu đường gặp nhiều khó khăn nhất định;

Tuy nhiên với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự phối hợp và giúp đỡ của các cấp chính quyền địa phương và sự quyết tâm của toàn bộ hệ thống chính trị cùng tinh thần đoàn kết, nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên đã

giúp Công ty vượt qua mọi khó khăn thách thức, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

## 2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:

### 2.1. Khối lượng, sản lượng chính đã thực hiện:

Hoàn thành 100% khối lượng bảo dưỡng thường xuyên định kỳ theo hợp đồng đặt hàng của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đạt 128,310 tỷ đồng với các sản phẩm chính gồm:

+ Duy tu đường chính:	169,157 km
+ Duy tu đường ga:	21,253 km
+ Duy tu ghi:	97 bộ
+ Duy tu cầu:	4.885,6 m
+ Duy tu cống:	5.464,5 m
+ Duy tu hầm:	1.015,0 m
+ Duy tu nhà ga, kho ga:	11.356,4 m <sup>2</sup>
+ Duy tu ke ga, bãi hàng:	53.723 m <sup>2</sup>
+ Điểm gác chắn đường ngang:	42,0 điểm

### 2.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác:

Cùng với việc hoàn thành khối lượng bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt, trong năm 2017 Công ty đã chủ động làm việc với các đơn vị để hoàn thành hồ sơ thanh quyết toán và thu hồi nợ các công trình còn tồn đọng như: Công trình Đường ngang Km 698+050, Đường ngang Km 652+292, công trình cứu chữa trật bánh Km 650+370~Km 650+643, công trình cứu chữa bão lũ (Bước 1) tại Quảng Bình Km 452+450~Km 452+650. Ngoài ra, Công ty còn tích cực làm việc với Chủ đầu tư để phê duyệt dự toán, ký hợp đồng và thanh quyết toán các gói thầu trông coi bảo quản vật tư thu hồi của các năm trước như gói thầu CP1D, gói thầu CP2, gói thầu số 3, 8, 13 (Dự án K1, K2).

Công ty cũng đã tích cực quan tâm tìm kiếm việc làm ngoài sản xuất chính, tích cực quan hệ và làm việc với các đơn vị, các địa phương để chủ động trong việc đảm bảo công việc, thu nhập cho người lao động. Trong năm Công ty đã ký hợp đồng và triển khai thi công hoàn thành các công trình: Cải tạo, dịch chuyển đường ngang Km 718+600 đến Km 718+200; Thi công đường ray, dự án đường sắt đô thị Hà Nội tuyến Cát Linh – Hà Đông (giai đoạn 2); Cứu chữa bão lũ bước 2 Km 434+250 ~ Km 434+450, Km 464+300 ~ Km 464+500; công trình Sửa chữa lớn Cầu Km 682+372; công trình Sửa chữa, cải tạo đường ngang theo quyết định 994 của Thủ tướng Chính phủ... đạt chất lượng, đảm bảo an toàn và đúng tiến độ theo yêu cầu của chủ đầu tư với giá trị sản lượng đạt hơn 16 tỷ đồng.

### 2.3. Bảng tổng hợp các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Tỷ lệ % TH 2017/ KH 2017
			Kế hoạch HQQT giao	Thực hiện	
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500	18.500	100%

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Tỷ lệ % TH 2017/ KH 2017
			Kế hoạch HDQT giao	Thực hiện	
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	144.752,35	146.217,05	101,0%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	131.703,31	133.044,05	101,0%
	- Sản phẩm BDTX KCHTĐS	Tr.đ	112.673,91	116.645,73	103,5%
	- Sản xuất khác	Tr.đ	19.029,40	16.398,32	86,2%
4	Tổng chi phí	Tr.đ	129.132,27	130.401,78	101,0%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.571,04	2.642,27	102,8%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.056,83	2.066,13	100,5%
7	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	1.387,5	1.387,5	100%
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%	7,5	7,5	100%

#### 2.4. những mặt công tác chính đạt được trong năm 2017

Triển khai và thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo đúng chức năng, nhiệm vụ đã được quy định. Đảm bảo ổn định tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

Tổ chức thực hiện việc xây dựng phương án giá sản phẩm và thực hiện Hợp đồng đặt hàng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS năm 2017, xây dựng và triển khai tác nghiệp kỹ thuật từng quý chủ động, phù hợp với yêu cầu sản xuất và nguồn kinh phí được phê duyệt.

Quan tâm tìm kiếm việc làm ngoài sản xuất chính. Cùng với việc tổ chức thực hiện các công trình, công việc đảm bảo tiến độ hợp đồng, đã tích cực chỉ đạo và làm việc với các đơn vị ngoài để hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán các công trình nhằm thu hồi vốn và giải quyết chế độ cho người lao động kịp thời.

Đảm bảo an toàn chạy tàu, không để xảy ra tai nạn do chủ quan gây ra. Các công trình được chỉ đạo thi công đúng khối lượng, đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và an toàn. Chế độ kiểm tra, nghiệm thu, phúc tra được thực hiện đúng quy định, công tác kiểm tra tuần gác được tăng cường cả ngày lẫn đêm.

Chất lượng cầu đường được giữ vững, các chỉ tiêu về quản lý nội nghiệp, bảo quản cầu đường, sửa chữa xấu, sửa chữa chống xóc lắc nhằm đảm bảo an toàn chạy tàu đều đạt chỉ tiêu đề ra. Giữ vững tốc độ, tải trọng chạy tàu theo công lệnh 01-CD-2017 của Tổng công ty ĐSVN.

Quản lý và sử dụng vốn hiệu quả, chấp hành nghiêm chỉnh, đúng quy định việc thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước. Trong năm 2017, các đoàn thanh tra sử dụng vốn SNKT, các đoàn kiểm toán, kiểm tra thuế đã làm việc và không có sai sót xảy ra.

Chỉ đạo quyết liệt về tăng cường công tác đảm bảo an toàn, chủ động ban hành các chương trình, kế hoạch, giải pháp để hạn chế những nguy cơ tiềm ẩn về an toàn; triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống bão lũ, xử lý kịp thời các sự cố, trở ngại xảy ra trên tuyến.

Thực hiện đúng quy định của nhà nước về công tác đấu thầu mua sắm hàng hóa (tổ chức đấu thầu mua sắm 228 thanh ray P50 dài 25m, 02 máy chèn đường cầm tay, 02 máy chèn đường thủy lực và 02 máy cưa ray). Chủ động lập hồ sơ dự thầu và thực hiện đấu thầu (liên danh) thành công công trình Cải tạo, sửa chữa đường ngang theo quyết định 994 của Thủ tướng Chính phủ.

Công tác quản lý, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện được thực hiện tốt. Các loại vật tư phục vụ sản xuất được mua sắm thực hiện đúng quy định của Nhà nước, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, giá cả theo giá cạnh tranh của thị trường và được tổ chức kiểm nghiệm, nghiệm thu chặt chẽ.

Thường xuyên quan tâm đến chế độ, chính sách cho người lao động, thanh toán kịp thời các khoản tiền lương, bảo hiểm, chế độ ốm đau cho người lao động...

Công tác thực hiện quy chế phối hợp giữa Bộ GTVT với UBND các địa phương có đường sắt đi qua được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên phối hợp với Ban ATGT, Sở GTVT, Công an 02 tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Đội thanh tra đường sắt số 7 tiến hành kiểm tra, rà soát tại các điểm giao cắt đường bộ và đường sắt để kịp thời phát hiện những nguy cơ tiềm ẩn, đề ra những biện pháp nhằm bảo đảm an toàn giao thông.

Về phối hợp điều hành: Phối hợp chặt chẽ giữa chuyên môn và Công đoàn, Đoàn Thanh niên để triển khai các chương trình phối hợp đã đề ra từ đầu năm như: quan tâm đến chế độ chính sách, quyền lợi người lao động, phong trào CNVC, phong trào thi đua lao động sản xuất, văn hóa thể dục thể thao tạo ra khí thế thi đua, mang lại tinh thần phấn khởi và tăng cường xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong toàn Công ty.

### 3. Đánh giá tình hình tài chính

Chỉ tiêu	01/01/2017	31/12/2017	Tỷ lệ %
<b>1. TÀI SẢN</b>			
a. Tài sản ngắn hạn	46.405.386.364	46.987.625.439	101,25%
b. Tài sản dài hạn	13.253.610.918	11.533.928.193	87,02%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>59.658.997.282</b>	<b>58.521.553.632</b>	<b>98,09%</b>
<b>2. NGUỒN VỐN</b>			
<b>a. Nợ phải trả</b>	<b>39.257.396.572</b>	<b>37.766.828.488</b>	<b>96,20%</b>
- Nợ ngắn hạn	39.257.396.572	37.766.828.488	96,20%
- Nợ dài hạn			
<b>b. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.401.600.710</b>	<b>20.754.725.144</b>	<b>101,73%</b>
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>59.658.997.282</b>	<b>58.521.553.632</b>	<b>98,09%</b>

a) Tình hình tài sản

- Tài sản ngắn hạn cuối năm 2017 tương đương với đầu năm 2017. Trong đó các khoản phải thu tăng 13,4 tỷ, hàng tồn kho giảm 4,5 tỷ.

- Tài sản dài hạn cuối năm 2017 giảm so với đầu năm 2017 là do giảm các khoản phải thu dài hạn (1,7 tỷ).

#### *b) Tình hình nợ phải trả*

- Nợ phải trả ngắn hạn cuối năm 2017 giảm so với đầu năm 2017 là do giảm người mua trả tiền trước (3 tỷ), giảm các khoản phải trả ngắn hạn (3,8 tỷ). Tuy nhiên tăng các khoản thuế và các khoản nộp nhà nước (0,4 tỷ), tăng phải trả cho người bán (2,3 tỷ), tăng phải trả cho người lao động (2,7 tỷ, Công ty đã thanh toán trong tháng 01/2018).

- Công ty không có các khoản vay, tài sản bằng ngoại tệ nên việc biến động về giá hối đoái không ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

- Công ty thanh toán các khoản nợ đến hạn đầy đủ, đúng hạn nên không có các khoản nợ phải trả xấu.

#### **4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

- Ban Lãnh đạo đã tiếp tục tiến hành rà soát, kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý tại các phòng ban, đơn vị trực thuộc cho phù hợp với tình hình thực tế đồng thời tinh giảm bộ máy quản lý tại các đơn vị;

- Quản lý nguồn nhân lực hợp lý, luân chuyển và phân công nhiệm vụ cho cán bộ theo đúng năng lực và kinh nghiệm.

- Không ngừng tăng cường công tác quản lý vốn tại doanh nghiệp;

- Chú trọng và duy trì tốt công tác lập kế hoạch tài chính ngắn, trung và dài hạn để đảm bảo nhu cầu vốn cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra định kỳ, đột xuất đảm bảo hoạt động sản xuất và thanh quyết toán các công trình đúng trình tự thủ tục và các quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro tài chính và thực hành tiết kiệm trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm giảm tối đa chi phí tăng lợi nhuận cho Công ty.

#### **5. Một số tồn tại, hạn chế:**

Tình hình vi phạm quy trình quy phạm trong hệ ban kíp còn diễn ra đe dọa nghiêm trọng an toàn giao thông, an toàn chạy tàu. Để xảy ra 02 trở ngại chạy tàu do chủ quan, đề tàu dừng trước biển đỏ tại chấn đường ngang Km 711+663 và Đường ngang Km 703+602.

Chưa thực hiện tốt công tác quản lý hành lang ATGTĐS, còn để xảy ra nhiều vụ vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt (52 vụ);

Công tác điều hành, chỉ đạo thi công các công trình ngoài sản xuất chính còn lúng túng, bố trí nhân lực, công việc chưa phù hợp.

Công tác kiểm tra, sửa chữa động cơ điện dàn chấn động cơ các đường ngang chậm, không dứt điểm, để hư hỏng kéo dài.

Một số công việc của các phòng nghiệp vụ thực hiện còn chậm, chưa thực

hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được giao. Tình hình theo dõi, nắm bắt trạng thái cầu đường của các Đội QLDS chưa được sâu sát, số liệu còn thiếu, có khi chưa chính xác.

Công tác tuyển dụng lực lượng lao động trẻ còn hạn chế.

## II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2018:

### 1. Thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Hội đồng quản trị năm 2018:

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	KH 2018 HDQT giao	Tỷ lệ % KH 2018/ TH 2017
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500	18.500	100%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	146.217,05	165.873,57	113,44%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	133.044,05	150.930,39	113,44%
	- Sản phẩm BDTX KCHTĐS	Tr.đ	116.645,73	134.040,39	114,91%
	- Sản xuất khác	Tr.đ	16.398,32	16.890,00	103,00%
4	Tổng chi phí	Tr.đ	130.460,67	148.076,74	113,50%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.642,27	2.853,65	108%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.066,13	2.231,41	108%
7	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	1.387,5	1.480,0	106,67%
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%	7,5	8,0	106,67%

### 2. Nhiệm vụ trọng tâm:

Giữ vững chất lượng cầu đường trên toàn tuyến, bảo đảm chạy tàu an toàn, êm thuận theo đúng Công lệnh tốc độ và tải trọng. Phấn đấu không có tai nạn, sự cố chạy tàu, tai nạn lao động do chủ quan gây ra, giảm thiểu tai nạn khi tham gia giao thông.

Hoàn thành khối lượng quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt được giao, đồng thời tích cực, linh hoạt trong tìm kiếm việc làm để nâng cao giá trị sản lượng, doanh thu, thu nhập bình quân đầu người.

Sử dụng có hiệu quả máy móc thiết bị hiện có. Đầu tư hợp lý máy móc thiết bị để phát triển sản xuất kinh doanh và thi công các công trình xây dựng cơ bản. Chủ động tìm kiếm đối tác, khách hàng để thực hiện việc cho thuê các loại máy móc thiết bị, phương tiện vận tải nhằm nâng cao sản lượng, doanh thu.

Bám sát chiến lược phát triển đường sắt đến năm 2020, nhất là các dự án đại tu nâng cấp, các dự án lập lại trật tự an toàn giao thông đường sắt để xây dựng chiến lược, kế hoạch trung hạn phát triển công ty. Chỉ đạo mở rộng các mối quan hệ, tăng cường công tác nắm bắt và xử lý các thông tin để nhận và thi công các công trình trong và ngoài ngành.

Mở rộng quan hệ với các Chủ đầu tư, các doanh nghiệp trong và ngoài ngành để tìm kiếm việc làm hoặc liên danh thi công nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh



trong việc đấu thầu các công trình, dự án.

Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch chi phí, thực hiện các biện pháp quản lý kinh tế chặt chẽ trên tinh thần tiết kiệm, hợp lý nhằm đảm bảo các chỉ tiêu lợi nhuận, cổ tức.

Tiếp tục xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi và ban hành hệ thống quy chế nội bộ phù hợp để thúc đẩy sự phát triển SXKD hiệu quả. Trong đó chú trọng việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, coi trọng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc lành mạnh và giữ vững niềm tin đối với người lao động và các cổ đông.

Xây dựng, triển khai thực hiện các biện pháp phù hợp để đảm bảo an toàn chạy tàu tuyệt đối, trong đó tập trung vào các dịp cao điểm phục vụ vận tải (Tết Nguyên đán, các dịp lễ, chiến dịch vận tải hè...). Xây dựng phương án cụ thể để đảm bảo an toàn chạy tàu, an ninh trật tự và đặc biệt quan tâm đến công tác đảm bảo ATCT tại các đường ngang.

Tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức, bố trí sắp xếp lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu sản xuất, có chủ trương, chính sách hợp lý để tuyển dụng lao động bổ sung cho các đơn vị.

Tập trung bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực ở các phòng nghiệp vụ nhằm phát huy tốt công tác tham mưu quản lý điều hành, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả. Có chủ trương, chính sách hợp lý để tuyển dụng lao động, bổ sung nhân lực đảm bảo đáp ứng hoàn thành khối lượng sản xuất kinh doanh các công trình trong và ngoài ngành.

Phát huy sức mạnh đoàn kết và vai trò của các tổ chức đoàn thể, tiếp tục tạo sự chuyển biến cả về cơ sở vật chất lẫn nếp sống, kỷ cương, kỷ luật trong toàn thể cán bộ, đảng viên và người lao động.

Xây dựng phương thức quản trị kinh doanh và cơ chế quản lý doanh nghiệp hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển chung của xã hội để nâng cao hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh, phát huy quyền làm chủ tập thể của người lao động và các cổ đông.

*Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ của Ban Giám đốc năm 2018. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.*

*Trân trọng!*

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT (báo cáo);
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, KHKD.



**Trần Hoán**

Số: 02-18 /BC-ĐHĐCD

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên;*

*Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;*

*Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2018, như sau:*

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2017**

Năm 2017 Công ty gặp rất nhiều khó khăn như: Công tác tìm kiếm thêm việc làm, lực lượng lao động tiếp tục giảm, công tác tuyển dụng gặp khó khăn... nhưng nhờ sự linh động của HĐQT, Ban điều hành trong quản lý, giám sát, điều hành, sự bố trí hợp lý cơ cấu lao động, sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên, sự hỗ trợ, giúp đỡ của Bộ Giao thông vận tải, Công ty mẹ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam nên Công ty đã hoàn thành các các nhiệm vụ năm 2017 do Đại hội đồng cổ đông giao:

**1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017**

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Tỷ lệ % TH 2017/ KH 2017
			Kế hoạch ĐHĐCD giao	Thực hiện	
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500	18.500	100%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	144.752,35	146.217,05	101,0%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	131.703,31	133.044,05	101,0%
4	Tổng chi phí	Tr.đ	129.132,27	130.401,78	101,0%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.571,04	2.642,27	102,8%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.056,83	2.066,13	100,5%
7	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	1.387,5	1.387,5	100%
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%	7,5	7,5	100%

+ Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận thực hiện năm 2017 đều vượt so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.

+ Hội đồng quản trị đã tổ chức triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, thường xuyên sâu sát trong công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát Ban điều hành và bộ phận trực thuộc thực hiện các công việc; Kịp thời hỗ trợ, định hướng các hoạt động của Ban điều hành Công ty, từ đó đã duy trì hoạt động của Công ty ổn định và phát triển, đảm bảo đủ việc làm và thu nhập cho người lao động; bảo toàn nguồn vốn cho các cổ đông.

## **2. Về tiền lương, thù lao năm 2017 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng (Người quản lý công ty)**

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua tổng Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2017 của Người quản lý công ty là: **2.008.800.000 đồng**.

- Tổng Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017 của Người quản lý công ty là: **2.008.800.000 đồng** (chi tiết theo Tờ trình của HĐQT trình ĐHĐCĐ). Năm 2017 Công ty đã chi trả toàn bộ số tiền này cho Người quản lý.

## **3. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017**

Căn cứ vào danh sách các đơn vị kiểm toán đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua và theo đề xuất của Ban kiểm soát. HĐQT đã chọn **Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc**, có Địa chỉ tại: P.709, D11, Tòa nhà Sunrise, đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Hà Nội, thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

## **II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017 (HĐQT)**

### **1. Đánh giá hoạt động của HĐQT:**

Trong năm 2017, HĐQT đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình tuân thủ theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần và duy trì hoạt động theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty. HĐQT đã chỉ đạo, giám sát các hoạt động quản lý, điều hành của Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV, nỗ lực thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành đạt mức cao nhất các chỉ tiêu kinh tế và tất cả các nội dung đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 với mục đích đem đến lợi ích cao nhất cho các cổ đông và sự phát triển bền vững cho Công ty. Cụ thể là:

- Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) để chỉ đạo, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo tốt các chủ trương, chiến lược đã đề ra. Đồng thời xây dựng các cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Chỉ đạo thực hiện lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án thực hiện để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

300  
CỘI  
CỔ  
ƯƠ  
NH  
/NH

- Tham gia ý kiến và chỉ đạo định hướng về biện pháp thi công, tổ chức công trường, kế hoạch thực hiện công tác chuẩn bị vật tư, thiết bị, con người để triển khai thi công có hiệu quả.

- Tập trung thực hiện có hiệu quả công tác quyết toán, công tác thu hồi vốn đối với các hợp đồng, đặc biệt đối với các hợp đồng ngoài sản xuất chính đã thi công xong.

- Hội đồng quản trị thường xuyên quan tâm hỗ trợ, giám sát hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo điều hành đối với Ban Giám đốc thông qua các cuộc họp giao ban tháng, thông qua trao đổi hàng ngày hoặc thông qua các số liệu báo cáo của các phòng ban chức năng và các đơn vị trực thuộc.

## **2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2017:**

Hội đồng quản trị đã duy trì chế độ họp định kỳ theo quy định (3 tháng/ lần) và họp bất thường khi cần thiết. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát, với tư cách là quan sát viên.

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Võ Dũng	Chủ tịch	6	100%	
2	Trần Hoàn	Thành viên	6	100%	
3	Đặng Văn Thanh	Thành viên	6	100%	

- Qua các cuộc họp, HĐQT đã ban hành 34 Nghị quyết, 12 Quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

## **3. Hoạt động của các Thành viên HĐQT**

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định trong Điều lệ của Công ty.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, thảo luận, đưa ra các ý kiến đóng góp trên tinh thần xây dựng, cầu thị nhằm đạt được các mục tiêu mà ĐHCĐ giao.

## **III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

#### **\* Những việc đã làm được:**

+ Đã tuân thủ bám sát định hướng, ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị công ty trong việc triển khai các nghị quyết, kết luận chỉ đạo thực hiện các công việc. Chủ động xác định rõ và tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ chính trong công tác điều hành năm 2017.

+ Thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017 do Đại Hội đồng cổ đông giao.

+ Hoàn thành các báo cáo tài chính của Công ty, phối hợp cùng Công ty TNHH kiểm toán AFC hoàn thành công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.

+ Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về công tác đấu thầu mua sắm hàng hóa, đầu tư xây dựng;

+ Đã thực hiện các giải pháp, phương án điều hành sản xuất kinh doanh và các mặt hoạt động của Công ty. Phân công nhiệm vụ, trách nhiệm quản lý, điều hành cho từng thành viên Ban điều hành và các đơn vị trực thuộc.

**\* Những việc còn tồn tại:**

- Thu hồi nợ một số đơn vị ngoài còn gặp khó khăn.
- Tình hình vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt còn xảy ra nhiều;
- Tình hình vi phạm quy trình quy phạm của người lao động còn xảy ra;
- Công tác tuyển dụng lao động chưa đạt được theo kế hoạch đã được HĐQT thông qua;

**IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2018**

**1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:**

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	KH 2018 HĐQT giao	Tỷ lệ % KH 2018/ TH 2017
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500	18.500	100%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	146.217,05	165.873,57	113,44%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	133.044,05	150.930,39	113,44%
	- Sản phẩm BDTX KCHTĐS	Tr.đ	116.645,73	134.040,39	114,91%
	- Sản xuất khác	Tr.đ	16.398,32	16.890,00	103,00%
4	Tổng chi phí	Tr.đ	130.460,67	148.076,74	113,50%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.642,27	2.853,65	108%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.066,13	2.231,41	108%
7	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	1.387,5	1.480,0	106,67%
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%	7,5	8,0	106,67%

**2. Định hướng của Hội đồng quản trị**

+ Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý và quản trị doanh nghiệp;

+ Hoàn thiện và quản lý tài chính chặt chẽ, minh bạch nhằm ổn định công tác tài chính của công ty và tạo đà phát triển cho các năm tiếp theo;

+ Mở rộng địa bàn hoạt động và thực hiện có hiệu quả công tác tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực xây dựng đường sắt, đường bộ, dân dụng để tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững.



+ Tập trung chỉ đạo và cùng Ban điều hành thực hiện thu hồi triệt để các công nợ tồn đọng; Kiểm soát, quản lý tốt dòng tiền đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế vay nợ ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

+ Kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, phải trả hàng tháng, xây dựng kế hoạch dòng tiền sát với hoạt động sản xuất kinh doanh và cân đối trong từng giai đoạn, từng lĩnh vực. Tiếp tục thiết lập, mở rộng mối quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng;

+ Chỉ đạo, yêu cầu tiết giảm tối đa các chi phí của Công ty; lập kế hoạch chi phí quản lý, chi phí tài chính hợp lý; Rà soát toàn diện các chi phí để xây dựng định mức chi tiêu nội bộ;

+ Tăng cường công tác đối ngoại, tiếp cận các thông tin để tham gia nhận đặt hàng, chào giá, đấu thầu, tìm kiếm bổ sung thêm việc làm; Khai thác tối đa năng lực máy móc, thiết bị hiện có của Công ty.

+ Chủ động mở rộng liên hệ hợp tác với các đối tác khách hàng mới liên quan đến hoạt động của Công ty. Chỉ đạo hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành, trong công tác thị trường, trong công tác quản lý.

+ Yêu cầu Ban điều hành lập kế hoạch để phê duyệt và triển khai chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ và người lao động của Công ty.

+ Tiếp tục rà soát, xây dựng, sửa đổi để ban hành hoàn chỉnh hệ thống các quy chế quản trị, quy trình quản lý của Công ty;

+ Thực hiện các hoạt động liên quan đến cổ đông, chứng khoán và các quy định về công bố thông tin.

*Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2018. Kính trình ĐHĐCĐ thông qua.*

*Trân trọng cảm ơn!*

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- Thành viên HĐQT;
- Lưu: HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Võ Dũng**

Số: 03-18/BC-ĐHĐCĐ

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO  
CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đường sắt Bình trị Thiên;*

*Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;*

*Ban Kiểm soát Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2018, như sau:*

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017**

**1. Về nhân sự**

Ban kiểm soát gồm 3 kiểm soát viên. Trong năm 2017, nhân sự của Ban kiểm soát không có biến động.

**2. Các hoạt động trong năm 2017 của Ban kiểm soát (BKS).**

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017; Phân công nhiệm vụ cho từng kiểm soát viên để triển khai thực hiện;

- Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2017 theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty trong năm.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông lần đầu đối với HĐQT và Ban Giám đốc.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam. Căn cứ các ý kiến của Kiểm toán độc lập để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán đến các

khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra.

- Thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo các thông tin đến Cổ đông một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời. Trong năm 2017 không có đơn thư, yêu cầu hoặc khiếu nại nào của Cổ đông gửi đến Ban kiểm soát.

- Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:

- Trong năm 2017, đại diện Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, họp giao ban hàng tháng do Giám đốc chủ trì, để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHCĐ phê duyệt.
- BKS được tiếp cận và cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về các quyết định của HĐQT, các tài liệu, hồ sơ khác lưu trữ tại Công ty khi có yêu cầu.

### 3. Tiền Lương, thù lao, các khoản lợi ích của Ban kiểm soát:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Đối tượng	Số người	Tổng quỹ lương, thù lao năm 2017
<b>I</b>	<b>Tiền lương</b>		
1	Trưởng Ban kiểm soát	01	264,0
<b>II</b>	<b>Thù lao</b>		
1	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	02	16,8
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>		<b>280,8</b>

Tiền lương, thù lao năm 2017 của Ban kiểm soát được Công ty chi trả đúng theo tiền lương kế hoạch được ĐHCĐ thường niên năm 2017 thông qua.

### 4. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ. Tất cả các cuộc họp của Ban kiểm soát đều có sự tham gia của Thành viên Hội đồng quản trị. Kết quả tham dự các cuộc họp của các thành viên Ban kiểm soát như sau:

TT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lê Hồng Hải	Trưởng ban	04	100%	
2	Nguyễn Ích Lân	Thành viên	04	100%	
3	Trần Anh Tuấn	Thành viên	04	100%	



## 5. Hoạt động của các Kiểm soát viên

- Các Kiểm soát viên đã thực hiện đầy đủ quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định trong Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận, đưa ra các ý kiến đóng góp để nâng cao hiệu quả giám sát của Ban kiểm soát, nhằm đạt được các mục tiêu mà ĐHCĐ giao.

## II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT NĂM 2017

### 1. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

- Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức họp và thống nhất và ban hành 34 Nghị quyết và 12 Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Ban giám đốc đã triển khai thực hiện tốt nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT theo đúng chức năng và thẩm quyền. Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực để củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy, điều hành công ty đảm bảo tình hình SXKD của Công ty được duy trì tốt. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thực hiện đều vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

Ban Kiểm soát cho rằng HĐQT Công ty đã giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. HĐQT, Ban Giám đốc đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Ban Kiểm soát ghi nhận chưa phát hiện bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc.

### 2. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, giám đốc

Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

### 3. Về thẩm định báo cáo tài chính năm 2017

#### 3.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Tỷ lệ % TH 2017/ KH 2017
			Kế hoạch ĐHCĐ giao	Thực hiện	
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500,00	18.500,00	100%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	144.752,35	146.217,05	101,0%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	131.703,31	133.044,05	101,0%

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Tỷ lệ % TH 2017/ KH 2017
			Kế hoạch ĐHĐCĐ giao	Thực hiện	
	- Sản phẩm Bảo dưỡng thường xuyên KCHT ĐS	Tr.đ	112.673,91	116.645,73	103,5%
	- Sản phẩm khác	Tr.đ	19.029,40	16.398,32	86,2%
4	Tổng chi phí	Tr.đ	129.132,27	130.401,78	101,0%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.571,04	2.642,27	102,8%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.056,83	2.066,12	100,5%
7	Lãi cơ bản/cổ phiếu	đồng	1.112	1.117	100,5%
8	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	1.387,5	1.387,5	100,0%
9	Tỷ lệ trả cổ tức	%	7,5	7,5	100,0%

## 2.2. Tình hình tài chính

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>58.521.553.632</b>	<b>59.658.997.282</b>
<b>I. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	<b>46.987.625.439</b>	<b>46.405.386.364</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1.411.581.561	9.696.390.435
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	35.728.932.247	22.302.283.794
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi			
4. Hàng tồn kho	140	9.635.283.607	14.146.393.751
5. Tài sản ngắn hạn khác	150	211.828.024	260.318.384
<b>II. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>	<b>11.533.928.193</b>	<b>13.253.610.918</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.174.711.650
2. Tài sản cố định	220	10.998.601.243	11.008.245.368
- Tài sản cố định hữu hình	221	10.998.601.243	11.008.245.368
3. Tài sản dở dang dài hạn			
6. Tài sản dài hạn khác	260	535.326.950	1.070.653.900
<b>B. TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>58.521.553.632</b>	<b>59.658.997.282</b>
<b>I. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>	<b>37.766.828.488</b>	<b>39.257.396.572</b>
1. Nợ ngắn hạn	310	37.766.828.488	39.257.396.572
Trong đó: Nợ quá hạn			
2. Nợ dài hạn	330		
<b>II. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>20.754.725.144</b>	<b>20.401.600.710</b>
1. Vốn của chủ sở hữu	410	20.754.725.144	20.401.600.710
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18.500.000.000	18.500.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	418	188.600.710	
- Lợi nhuận chưa phân phối	421	2.066.124.434	1.901.600.710

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2017	01/01/2017
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	0

### 3.3. Một số chỉ tiêu tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Chỉ tiêu	Năm 2017	
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>		<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>	
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	80,3%		- Khả năng thanh toán nhanh (TSNH - Hàng TK)/Nợ ngắn hạn	0,99 lần
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	19,7%		- Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,24 lần
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>		<b>4</b>	<b>Hiệu quả sử dụng vốn</b>	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	64,5%		- Tỷ suất LNST/ Tổng t.sản (ROA)	3,53%
	- Vốn CSH/Tổng nguồn vốn	35,5%		- Tỷ suất LNST / Doanh thu thuần	1,55%
	- Nợ phải trả/Vốn CSH	2,02 lần		- Tỷ suất LNST / Vốn CSH	11,06%
	- Bảo toàn vốn CSH: (Tổng DT + TN khác - tổng CP - Trích lập dự phòng) $\geq$ 0	Bảo toàn vốn		- Lãi cơ bản / CP	1.117đ

### 3.4. Đánh giá của Ban kiểm soát:

Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán AFC, là đơn vị được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán. Kiểm toán viên đã có ý kiến chấp nhận toàn phần BCTC năm 2017 do Công ty lập và xác nhận BCTC “*đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty*”.

#### a) Về kết quả sản xuất kinh doanh:

- Các chỉ tiêu về Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận thực hiện năm 2017 đều vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

- Tỷ lệ trả cổ tức và lợi nhuận chia cổ tức đảm bảo theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

#### b) Về tình hình tài chính:

- Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Công ty lập theo quy định hiện hành; Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định; Việc ghi nhận doanh thu, chi phí đều đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo đúng chế độ nhà nước quy định; Các số liệu trên các chứng từ thu, chi và hoạt động sản xuất kinh doanh trên sổ kế toán và trên báo cáo tài chính đều khớp với nhau;

- Quản lý tài sản: Mỗi tài sản đều có thẻ tài sản để theo dõi, quản lý. Việc trích khấu hao TSCĐ được thực hiện đúng quy định của Bộ Tài chính;

- Các khoản nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước Công ty thực hiện nghiêm túc;

- Công ty đã duy trì công tác theo dõi, trả nợ, thu hồi nợ thường xuyên, cuối quý đều có đối chiếu công nợ đến từng khách hàng. Việc Công ty theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu theo từng đối tượng khách hàng, theo từng hợp đồng, có phân loại tuổi nợ chi tiết và thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đã thể hiện sự chủ

động trong phân loại, xử lý các khoản công nợ này, đảm bảo không gây ảnh hưởng đột biến tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên trong năm 2017, một số công trình ngoài việc thu hồi nợ còn khó khăn.

- Các chỉ tiêu khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được đảm bảo:

+ Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn CSH đạt 2,02 lần đảm bảo dưới mức quy định.

+ Bảo toàn vốn của chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.

+ Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán hiện hành đều đảm bảo trên mức cho phép.

- Công tác đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định: Công ty thực hiện đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản cố định với giá trị **1.905.626.331 đồng** từ nguồn trích khấu hao TSCĐ năm 2017. Việc thực hiện mua sắm theo đúng quy định của pháp luật về quản lý dự án và đấu thầu.

### III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2018:

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị; Định kỳ thẩm tra tính trung thực của báo cáo tài chính quý, năm; Tư vấn cho Hội đồng quản trị các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của Công ty; Nắm bắt các cơ chế, chính sách pháp luật mới ban hành nhằm kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Đưa ra chương trình kiểm tra đối với một số lĩnh vực cụ thể và các yêu cầu đột xuất khác của cổ đông.

- Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Giám sát hoạt động HĐQT, Ban Giám đốc;

- Đề xuất đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty;

- Chủ động nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ kiểm tra và giám sát nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao cho Cổ đông, doanh nghiệp.

*Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát. Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua.*

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- Thành viên BKS;
- Lưu: VT, BKS.



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN VÀ CÔNG TÁC TCKT NĂM 2017**

**Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đường sắt BTT**

Căn cứ vào BCTC 2017 đã được kiểm toán bởi công ty AFC.

Thay mặt Ban điều hành, Kế toán trưởng công ty xin báo cáo tóm tắt BCTC tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và công tác TCKT, như sau:

### **I, Về Báo cáo tài chính**

#### **1. Về bảng Cân đối kế toán:**

<b>TỔNG TÀI SẢN:</b>	<b>58.521.553.632</b>
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>46.987.625.439</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.411.581.561
1. Tiền	1.411.581.561
2. Các khoản tương đương tiền	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	35.728.932.247
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	29.632.960.386
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	786.690.009
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	
4. Phải thu ngắn hạn khác	5.750.316.852
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	(441.035.000)
IV. Hàng tồn kho	9.635.283.607
1. Hàng tồn kho	9.635.283.607
V. Tài sản ngắn hạn khác	211.828.024
1. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	211.828.024
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>11.533.928.193</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	
2. Phải thu dài hạn khác	
II. Tài sản cố định	10.998.601.243
1. Tài sản cố định hữu hình	10.998.601.243
- Nguyên giá	31.358.714.360
- Giá trị hao mòn lũy kế	(20.360.113.117)
III. Bất động sản đầu tư	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	



VI. Tài sản dài hạn khác	535.326.950
1. Chi phí trả trước dài hạn	535.326.950
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>58.521.553.632</b>

**C. Nợ phải trả** **37.766.828.488**

I. Nợ ngắn hạn	37.766.828.488
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	19.214.838.213
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.756.405.174
4. Phải trả người lao động	11.695.770.101
5. Các khoản phải trả ngắn hạn	2.099.815.000
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.000.000.000
II. Nợ dài hạn	

**D. Vốn chủ sở hữu** **20.754.725.144**

I. Vốn chủ sở hữu	20.754.725.144
1. Vốn góp của chủ sở hữu	18.500.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.066.124.434
3. Quỹ đầu tư phát triển	188.600.710

**2. Kết quả sản xuất kinh doanh**

1. Tổng doanh thu	133.044.051.641
2. Tổng chi phí	130.401.784.497
3. Lợi nhuận trước thuế	2.642.267.144
4. Lợi nhuận sau thuế	2.066.124.434

**3. Tổng quỹ lương chi trong năm 2017 là 56,707 tỷ đồng.**

Trong đó:

- Quỹ lương HĐ QLý bảo trì KC CS HT ĐS đã chi trong năm 2017 là 46,333 tỷ đồng.

- Quỹ lương trong chi phí chung là 6,495 tỷ đồng.

- Quỹ lương các CT SXP là 3,641 tỷ đồng.

- Quỹ lương Công đoàn là 100 triệu đồng.

- Lương phục vụ máy thi công đường sắt là 136 triệu đồng.

**4. Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2017 là 7,880 triệu đồng tăng 14,3% so với năm 2016.**

**5. Tình hình trích lập Quỹ phúc lợi, Quỹ khen thưởng, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ năm 2017:**

- Quỹ khen thưởng trong năm 2017 đã chi khen thưởng các mặt công tác là 383,355 triệu đồng.

- Quỹ phúc lợi trong năm 2017 đã chi cho các hoạt động xã hội là 46,050 triệu đồng.

- Trong năm đã nộp BHXH, BHYT, BHTN là 6,981 tỷ đồng.

- Trong năm đã trích kinh phí công đoàn 645 triệu đồng.



6. Các khoản thuế và các khoản phải nộp ngân sách Công ty đã nộp vào ngân sách nhà nước năm 2017 là 7,991 tỷ đồng.

## II, Tình hình quản lý tài chính

- Trong năm 2017, Báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính, báo cáo kê khai, quyết toán thuế hàng quý cho các cơ quan Nhà nước và Tổng CT ĐSVN luôn chính xác, trung thực, đúng biểu mẫu và đúng thời gian quy định.

### 1. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

- Thường xuyên mở sổ sách theo dõi chi tiết biến động tăng, giảm TSCĐ, nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại của TSCĐ theo từng chủng loại, phân khai các nguồn vốn.

- Tổ chức cấp phát nhanh chóng, đúng nguyên tắc quản lý, không để tồn đọng, chiếm dụng vốn của Công ty.

### 2. Quản lý doanh thu và chi phí:

- Toàn bộ doanh thu của Công ty đều thể hiện trên hóa đơn, chứng từ hợp lệ và được phản ánh đầy đủ trên sổ sách kế toán theo chế độ Nhà nước quy định.

- Các chi phí về tiền lương, các chi phí trích nộp khác như BHXH, BHYT, KPCĐ, các chế độ cho người lao động luôn đúng thời gian và đầy đủ.

- Quản lý chặt chẽ các chi phí nguyên nhiên vật liệu và chi phí khác.

### 3. Quản lý và thanh toán các khoản công nợ:

- Luôn trả nợ kịp thời, không để quá hạn các khoản phải trả cho người bán.

- Tích cực thu hồi nợ các cá nhân, tập thể, đơn vị, các công trình trong và ngoài ngành.

### 4. Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành:

- Trong năm qua, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phải nộp ngân sách Nhà nước như thuế TNDN, thuế GTGT, thuế TNCN, thuế môn bài và kinh phí quản lý Điều hành của Tổng công ty.

- Qua quá trình làm việc với các Đoàn Thanh tra, Kiểm toán... Công ty CP đường sắt Bình Trị Thiên luôn được đánh giá cao về công tác chấp hành các chủ trương, chính sách cũng như các nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước.

- Công ty đã thực hiện tốt chế độ sổ kế toán, chứng từ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo quy định của Nhà nước.

### ***Kính thưa Đại hội !***

Trên đây là báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017, công tác quản lý Tài chính năm 2017, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Nơi nhận:**

-ĐHĐCĐ

-Lưu: TCKT.



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Hoán**

**TỜ TRÌNH**

**V/v thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên;*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau đây:

**1. Thông qua các báo cáo của Công ty**

- Báo cáo của Giám đốc công ty;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

**2. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty.**

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty được xây dựng theo hướng dẫn của Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

*(Dự thảo Quy chế đã gửi cho cổ đông)*

**3. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018.**

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	KH 2018 HĐQT giao	Tỷ lệ % KH 2018/ TH 2017
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500	18.500	100%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	146.217,05	165.873,57	113,44%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	133.044,05	150.930,39	113,44%
	- Sản phẩm BDTX KCHTĐS	Tr.đ	116.645,73	134.040,39	114,91%
	- Sản xuất khác	Tr.đ	16.398,32	16.890,00	103,00%
4	Tổng chi phí	Tr.đ	130.460,67	148.076,74	113,50%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.642,27	2.853,65	108%





T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	KH 2018 HĐQT giao	Tỷ lệ % KH 2018/ TH 2017
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.066,13	2.231,41	108%
7	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	1.387,5	1.480,0	106,67%
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%	7,5	8,0	106,67%

**4. Thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2017 và kế hoạch năm 2018 của người quản lý Công ty.**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Đối tượng	Số người	Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2017		Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2018	Tỷ lệ % KH 2018/ TH 2017
			Kế hoạch	Thực hiện		
<b>I</b>	<b>Tiền lương</b>		<b>1.968</b>	<b>1.968</b>	<b>1.968</b>	<b>100,0%</b>
1	Chủ tịch HĐQT	01	324	324	324	100,0%
2	Giám đốc	01	300	300	300	100,0%
3	Phó giám đốc	03	828	828	828	100,0%
4	Trưởng Ban kiểm soát	01	264	264	264	100,0%
5	Kế toán trưởng	01	252	252	252	100,0%
<b>II</b>	<b>Thù lao</b>		<b>40,8</b>	<b>40,8</b>	<b>40,8</b>	<b>100,0%</b>
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách	02	24	24	24	100,0%
2	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	02	16,8	16,8	16,8	100,0%
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>		<b>2.008,8</b>	<b>2.008,8</b>	<b>2.008,8</b>	<b>100,0%</b>

**5. Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2017, chi trả cổ tức 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận 2018.**

**5.1. Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2017 và kế hoạch năm 2018:**

TT	Chỉ tiêu	ĐV	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018
1.	Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối	đồng	<b>2.066.124.434</b>	<b>2.231.410.000</b>
a.	Trả cổ tức	đồng	1.387.500.000	1.480.000.000
b.	Trích quỹ thưởng Người quản lý công ty	đồng	100.000.000	100.000.000
c.	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	đồng	359.294.434	431.410.000
d.	Trích quỹ đầu tư phát triển	đồng	219.330.000	220.000.000
2.	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	đồng	0	0

## 5.2. Chi trả cổ tức năm 2017

- Tỷ lệ trả cổ tức: 7,5% (750 đồng/cổ phiếu)
- Hình thức trả cổ tức: Chi trả bằng tiền mặt
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời điểm chi trả cổ tức đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## 6. Thông qua Danh sách đơn vị kiểm toán để lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty:

- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc (Địa chỉ: P.709, D11, Tòa nhà Sunrise, đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Hà Nội).
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội).
- Công ty TNHH Tư vấn thuế, kế toán & kiểm toán AVINA-IAFC (Địa chỉ: Phòng 303,C7, Khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội).

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:  
- ĐHCĐ;  
- Lưu: HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



*[Signature]*  
Võ Dũng





**DỰ THẢO**

Thừa Thiên Huế, ngày ..... tháng 4 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**  
**CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**Tại phiên họp thường niên năm 2018**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CPĐS Bình Trị Thiên;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên ngày ..... tháng 04 năm 2018, đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, như sau:

1. Thông qua báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là .....%.

2. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là .....%.

3. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động giám sát năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là .....%.

4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là .....%.

5. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là .....%.

6. Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là .....%, cụ thể như sau:

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	KH 2018 HDQT giao	Tỷ lệ % KH 2018/ TH 2017
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500	18.500	100%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	146.217,05	165.873,57	113,44%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	133.044,05	150.930,39	113,44%



T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	KH 2018 HDQT giao	Tỷ lệ % KH 2018/ TH 2017
	- Sản phẩm BDTX KCHTĐS	Tr.đ	116.645,73	134.040,39	114,91%
	- Sản xuất khác	Tr.đ	16.398,32	16.890,00	103,00%
4	Tổng chi phí	Tr.đ	130.460,67	148.076,74	113,50%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.642,27	2.853,65	108%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.066,13	2.231,41	108%
7	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	1.387,5	1.480,0	106,67%
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%	7,5	8,0	106,67%

7. Thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2017 và Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2018 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành (Người quản lý Công ty), với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là ..... %, cụ thể như sau:

**ĐVT: Triệu đồng**

TT	Đối tượng	Số người	Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2017		Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2018
			Kế hoạch	Thực hiện	
<b>I</b>	<b>Tiền lương</b>		<b>1.968</b>	<b>1.968</b>	<b>1.968</b>
1	Chủ tịch HĐQT	01	324	324	324
2	Giám đốc	01	300	300	300
3	Phó giám đốc	03	828	828	828
4	Trưởng Ban kiểm soát	01	264	264	264
5	Kế toán trưởng	01	252	252	252
<b>II</b>	<b>Thù lao</b>		<b>40,8</b>	<b>40,8</b>	<b>40,8</b>
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách	02	24	24	24
2	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	02	16,8	16,8	16,8
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>		<b>2.008,8</b>	<b>2.008,8</b>	<b>2.008,8</b>

8. Thông qua Phân phối lợi nhuận năm 2017 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là .....%, cụ thể như sau:

**8.1. Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2017 và kế hoạch năm 2018.**

T T	Chỉ tiêu	ĐV	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018
1.	Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối	đồng	<b>2.066.124.434</b>	<b>2.231.410.000</b>
a.	Trả cổ tức	đồng	1.387.500.000	1.480.000.000
b.	Trích quỹ thưởng Người quản lý	đồng	100.000.000	100.000.000
c.	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	đồng	359.294.434	431.410.000
d.	Trích quỹ đầu tư phát triển	đồng	219.330.000	220.000.000
2.	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	đồng	0	0

## **8.2. Chi trả cổ tức năm 2017.**

- Tỷ lệ trả cổ tức: 7,5% (750 đồng/cổ phiếu).
- Hình thức trả cổ tức: Chi trả bằng tiền mặt.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời điểm chi trả cổ tức đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**9.** Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán độc lập để lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty, với tỷ lệ biểu quyết chấp thuận là .....%, danh sách đơn vị kiểm toán gồm:

a. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc (Địa chỉ: P.709, D11, Tòa nhà Sunrise, đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Hà Nội).

b. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội).

c. Công ty TNHH Tư vấn thuế, kế toán & kiểm toán AVINA-IAFC (Địa chỉ: Phòng 303,C7, KĐT Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2018 của Công ty.

**Điều 2.** Đại hội đồng cổ đông giao cho:

1. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện Nghị quyết đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông đảm bảo theo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 3.** Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên năm 2018 và có hiệu lực ngay sau khi kết thúc phiên họp.

**Điều 4.** Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này ./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Trang TTĐT Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA PHIÊN HỌP- CHỦ TỊCH HĐQT**

**Võ Dũng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**



**QUY CHẾ NỘI BỘ  
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Huế, Ngày ... tháng ... năm 2018



Số: /QĐ-ĐHĐCĐ

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày .../4/2018;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên (sau đây gọi là Công ty),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Trưởng các Phòng, Đơn vị trực thuộc Công ty, các tổ chức, cá nhân liên quan thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Đảng ủy, CĐ, ĐTN;
- Website công ty;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Võ Dũng**

**QUY CHẾ NỘI BỘ**  
**VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHĐCD, ngày tháng năm 2018)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị; Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên; Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị; Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp; Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Cổ đông công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành của công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
- c) Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến công ty.

**Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Quản trị công ty*” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:

- a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- đ) Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.

2. “*Người quản lý doanh nghiệp*” được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp.

3. “*Người điều hành doanh nghiệp*” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

4. “*Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành*” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ



công ty.

5. "Người có liên quan là cá nhân, tổ chức" được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

6. "Công ty" là Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên.

7. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

8. "Đơn vị phụ thuộc" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm Xí nghiệp Kinh doanh dịch vụ và xây lắp công trình, các Đội quản lý đường sắt.

Trong quy chế này, các tham chiếu đến một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm các sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

## **Chương II**

### **TRÌNH TỰ THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Danh sách cổ đông của Công ty được quản lý tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Căn cứ quyết định triệu tập phiên họp ĐHĐCĐ, người đại diện theo pháp luật của Công ty lập thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp theo đúng quy định của VSD và gửi thông báo cho VSD và Sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX). Đồng thời công bố thông tin trên trang website của Công ty về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu mười (10) ngày làm việc trước ngày chốt danh sách. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu.

Ngay sau khi VSD chấp thuận nội dung thông báo chốt danh sách cổ đông và được HNX đăng tải đăng tải trên trang thông tin điện tử (Website) của HNX, thông báo chốt danh sách cổ đông tham dự phiên họp ĐHĐCĐ của VSD phải được đăng tải trên Website của Công ty.

#### **Điều 4. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ.**

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày danh sách cổ đông có quyền dự họp do VSD lập và gửi cho Công ty, Công ty phải lập thông báo triệu tập phiên họp ĐHĐCĐ.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc

chuyên đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết; Thẻ biểu quyết
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- đ. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

### **Điều 5. Đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ.**

Cổ đông đăng ký trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác tham dự họp theo hướng dẫn cụ thể tại thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

Cổ đông gửi giấy đăng ký tham dự hoặc giấy ủy quyền về Công ty trước ngày khai mạc phiên họp ĐHĐCĐ ít nhất 03 ngày làm việc nhằm giúp cho Ban tổ chức chuẩn bị tốt công tác tổ chức phiên họp.

Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự phải mang theo Thông báo mời họp, Giấy tờ tùy thân (CMND hoặc hộ chiếu..) và Giấy uỷ quyền (đối với trường hợp được ủy quyền) cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết (ghi mã đại biểu tham dự và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình). Giá trị biểu quyết của Thẻ/Phiếu mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự phiên họp trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Phiên họp;

### **Điều 6. Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu, kiểm phiếu**

1. Biểu quyết bằng cách giơ "Thẻ biểu quyết" khi biểu quyết thông qua các vấn đề sau: Nguyên tắc và thể lệ biểu quyết; Bầu Đoàn Chủ tọa, Ban Kiểm phiếu; Chương trình Đại hội; Quy chế tổ chức Đại hội; Quy chế bầu cử, kiểm phiếu; Danh sách bầu cử; Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

2. Biểu quyết bằng "Phiếu biểu quyết" khi biểu quyết thông qua các vấn đề trình ĐHĐCĐ quyết định trừ việc bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên. Phương án biểu quyết là "tán thành", "không tán thành", "không có ý kiến".

3. Cách thức bỏ phiếu.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi được Chủ tọa hoặc Trưởng Ban Kiểm phiếu tuyên bố và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban Kiểm phiếu giám sát;

#### 4. Cách thức kiểm phiếu.

Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; Trước khi mở thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban Kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Công ty sẽ áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin để phục vụ công tác kiểm phiếu được nhanh chóng, chính xác.

Ban kiểm phiếu có quyền sử dụng thêm nhân sự giúp việc và áp dụng các phương pháp kiểm phiếu phù hợp, đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan về kết quả kiểm phiếu.

Trong trường hợp có yêu cầu của cổ đông, Chủ tọa quyết định việc mời một số cổ đông tham dự họp để tham gia giám sát quá trình kiểm phiếu.

Việc xác định kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ được căn cứ theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

#### 5. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

- Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

- Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;

+ Thành phần Ban Kiểm phiếu;

+ Mục đích, nội dung bỏ phiếu;

+ Tổng số cổ đông và đại diện được ủy quyền có mặt tại Phiên họp; tổng số phiếu biểu quyết phát ra, tổng số phiếu biểu quyết thu về, tổng số phiếu không thu về, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ;

+ Kết quả kiểm phiếu chi tiết theo từng nội dung;

+ Các nội dung được ĐHĐCĐ quyết định thông qua;

+ Chữ ký của Thành viên Ban Kiểm phiếu.

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu công bố công khai trước ĐHĐCĐ và được ghi nhận vào Biên bản và Nghị quyết của phiên họp ĐHĐCĐ.

### **Điều 7. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ, công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ.**

#### 1. Ban thư ký ĐHĐCĐ.

Ban thư ký phiên họp ĐHĐCĐ do chủ tọa cử để giúp việc ghi chép diễn biến của phiên họp. Ban thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa, có nhiệm vụ:

- Ghi chép, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ các nội dung biên bản đối với diễn biến của Phiên họp, dự thảo các văn kiện, kết luận và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi có yêu cầu; trình bày trước ĐHĐCĐ về Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Phiên họp;

- Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

## 2. Biên bản Phiên họp ĐHĐCĐ.

- Tất cả các nội dung tại phiên họp ĐHĐCĐ phải được Ban thư ký ghi vào biên bản. Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Phiên họp.

- Căn cứ biên bản phiên họp, Thư ký phiên họp sẽ tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo Nghị quyết Phiên họp. Dự thảo Nghị quyết Phiên họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc Phiên họp.

## 3. Công bố Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ được ĐHĐCĐ quyết định thông qua, Công ty phải gửi Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, đồng thời công bố trên trang Website của Công ty.

## **Điều 8. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ**

### 1. Cổ đông phản đối Nghị quyết của ĐHĐCĐ

a. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

### 2. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật

doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 Điều lệ Công ty.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### **Điều 9. Các trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ**

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông để thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ, trừ các vấn đề sau đây phải thông qua biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

b. Định hướng phát triển Công ty; kế hoạch SXKD hàng năm, kế hoạch lợi nhuận, cổ tức được chia hàng năm;

c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

f. Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty.

2. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

2.1. Thông báo chốt danh sách cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản: Thực hiện tương tự như Điều 3 Quy chế này.

2.2. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích lấy ý kiến;



- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

đ. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

e. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Các vấn đề đã được thông qua;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm

phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

f. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

g. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

h. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Chương III** **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 10. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT**

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
2. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất năm phần trăm (05)% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan.
4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật.

#### **Điều 11. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT**

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng liên tục có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử số lượng ứng viên Hội đồng quản trị, theo tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

- a) Từ 10% đến dưới 15% được đề cử một (01) ứng viên;
- b) Từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- c) Từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

588  
TY  
ÀN  
SẢ  
THI  
ƯA

## **Điều 12. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

## **Điều 13. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

a. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

- Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

- Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

b. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

## **Điều 14. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

1. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi có quyết định về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, sở giao dịch Hà Nội, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội Bản cung cấp thông tin của thành viên HĐQT mới.

## **Điều 15. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT**



Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

## **Chương IV HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 16. Thông báo họp HĐQT**

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

### **Điều 17. Điều kiện tổ chức họp HĐQT**

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

### **Điều 18. Cách thức biểu quyết**

1. Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 10 Điều 35 Điều lệ Công ty trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

2. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

### **Điều 19. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT**

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

### **Điều 20. Ghi biên bản họp HĐQT**

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

### **Điều 21. Thông báo nghị quyết HĐQT**

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

## **Chương V KIỂM SOÁT VIÊN**

### **Điều 22. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các văn bản quy định pháp luật có liên quan;

c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

d. Có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên với các chuyên ngành: cử nhân kinh tế, kế toán, kiểm toán, luật hoặc các chuyên ngành khác phù hợp với ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.



đ. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Kiểm soát viên không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

### **Điều 23. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 11 Quy chế này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 24. Cách thức bầu kiểm soát viên**

Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

330028  
CÔNG  
CỘ PH  
ƯỜNG  
SINH TRỊ  
TỈNH TH

- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

**Điều 26. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện tương tự như Điều 14 Quy chế này.

**Chương VI  
NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

**Điều 27. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp**

- 1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Công ty
  - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;
  - c. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của viên chức quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Phó giám đốc và kế toán trưởng

Người điều hành doanh nghiệp khác phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

**Điều 28. Bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

1. Bổ nhiệm giám đốc

- a. Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc Công ty.
- b. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Bổ nhiệm Phó giám đốc và kế toán trưởng

- a. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng theo đề nghị của Giám đốc Công ty
- b. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm, ký hợp đồng với thời hạn năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng lại.

**Điều 29. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp**

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

**Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

9566  
TY  
IÂN  
SẢ  
THIÊ  
JAT

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

**Điều 31. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp thực hiện tương tự Điều 14 Quy chế này.

**Chương VII**  
**PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC**

**Điều 32. Nguyên tắc phối hợp hoạt động**

1. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc trong công tác quản lý, giám sát và điều hành mọi hoạt động của Công ty trên cơ sở quyền hạn, nghĩa vụ của từng bộ phận, cụ thể như sau:

1.1. Hội đồng quản trị quản lý Công ty và giám sát việc điều hành của Giám đốc;

1.2. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động của Công ty;

1.3. Giám đốc chủ động điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

1.4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông và sự phát triển của công ty.

1.5. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến của mình và có trách nhiệm giải trình khi được yêu cầu.

2. Ngoài việc phối hợp giám sát, kiểm soát, điều hành một cách có hiệu quả, hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, các cá nhân phải đảm bảo:

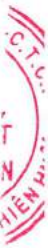
2.1. Việc quản lý, giám sát của các thành viên Hội đồng quản trị không làm ảnh hưởng đến công tác kiểm soát của các thành viên Ban kiểm soát và việc điều hành của Giám đốc;

2.2. Việc kiểm soát của các thành viên Ban kiểm soát không làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, giám sát của các thành viên Hội đồng quản trị và việc điều hành của Giám đốc;

2.3. Việc cung cấp thông tin, tài liệu giữa các bộ phận với nhau đúng quy định;

2.4. Trong quá trình thực hiện, các bộ phận góp ý trao đổi trực tiếp với nhau, trừ những trường hợp bắt buộc phải lập văn bản theo quy định.

**Điều 33. Thông báo mời họp, thành phần dự họp, thông báo kết quả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cuộc họp của Công ty do Giám đốc hoặc người được uỷ quyền triệu tập và chủ trì**



## 1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1.1. Thông báo mời họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các thành phần dự họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp (trừ trường hợp bất thường);

1.2. Thành phần họp Hội đồng quản trị:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên Ban kiểm soát;
- c. Giám đốc;
- d. Thư ký Công ty (nếu có);
- e. Các thành viên khác (nếu được mời).

Các thành viên dự họp không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

1.3. Ghi Biên bản cuộc họp: Biên bản họp do thư ký công ty thực hiện. Nếu không có thư ký thì HĐQT chỉ định 01 người khác để thực hiện. Biên bản được lập và lưu giữ theo quy định tại Điều lệ công ty.

1.4. Thông báo kết quả các cuộc họp Hội đồng quản trị: Biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên dự họp trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp và những biên bản đó được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đó được tiến hành trong các cuộc họp đó. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng Tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ trì và thư ký phiên họp.

## 2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

2.1. Thông báo mời họp: Thông báo họp Ban kiểm soát kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp phải được gửi trước cho các thành viên Ban kiểm soát và các thành phần dự họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp (trừ trường hợp bất thường).

2.2. Thành phần họp Ban kiểm soát:

- a. Thành viên Ban kiểm soát;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý khác, kiểm toán độc lập (có thể được mời dự họp để làm rõ một số vấn đề có liên quan đến hoạt động của Công ty).

2.3. Thông báo kết quả các cuộc họp Ban kiểm soát: Biên bản các cuộc họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên dự họp trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc các cuộc họp và những biên bản đó được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đó được tiến hành trong các cuộc họp đó. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng Tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm soát dự họp.

## 3. Các cuộc họp của Giám đốc Công ty



3.1. Đề điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, Giám đốc điều hành hoặc người được uỷ quyền triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Công ty vào bất kỳ thời gian và địa điểm nào được cho là phù hợp. Triệu tập họp và những tài liệu cần thiết về những vấn đề cần thảo luận tại cuộc họp phải được gửi trước cho các thành phần dự họp ít nhất hai (02) ngày trước khi tổ chức họp (trừ trường hợp bất thường).

3.2. Thành phần tham dự họp tùy theo tính chất công việc để triệu tập. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát được mời dự họp giao ban tháng, sơ kết quý, sáu (06) tháng, chín (09) tháng, năm và các cuộc họp quan trọng khác của Công ty.

3.3. Thông báo kết luận các cuộc họp của Giám đốc điều hành hoặc người được uỷ quyền phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các bộ phận có liên quan chậm nhất ba (03) ngày ngay sau khi kết thúc cuộc họp; Giám đốc điều hành hoặc người được uỷ quyền chủ trì các cuộc họp phải chịu trách nhiệm về các kết luận của mình. Trường hợp kết luận có nội dung chưa phù hợp với Điều lệ Công ty; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Nghị quyết của Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày chuyển đi để Giám đốc xem xét điều chỉnh.

#### **Điều 34. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát**

1. Nghị quyết của Hội đồng quản trị là văn bản mang ý chí tập thể có tính chất pháp lý cao sau nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, vì vậy việc thông báo phải chính xác, kịp thời.

2. Thời gian thông báo chậm nhất ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp Hội đồng quản trị.

3. Nghị quyết được gửi đến Giám đốc điều hành để triển khai thực hiện trong công tác điều hành nhằm đem lại hiệu quả cao nhất. Trong quá trình điều hành thực hiện nếu xét thấy những vấn đề trong nghị quyết chưa sát thực thì Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị bằng văn bản đề nghị điều chỉnh lại cho phù hợp.

4. Nghị quyết được gửi đến Ban kiểm soát để thực hiện việc kiểm soát về thể thức, nội dung đó phù hợp hay chưa phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; đồng thời là căn cứ giám sát việc điều hành thực hiện nghị quyết của Giám đốc.

5. Ngoài việc gửi Nghị quyết cho Giám đốc và Ban kiểm soát, tùy theo tính chất nội dung để gửi cho các bộ phận có liên quan; việc đăng tải nội dung nghị quyết lên trang điện tử của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 35. Các trường hợp Ban kiểm soát hoặc Giám đốc điều hành đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị**

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị của Ban kiểm soát hoặc Giám đốc trong các trường hợp sau:



1. Xét thấy thành viên Hội đồng quản trị vi phạm Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty.

2. Phát sinh hợp đồng hoặc giao dịch quy định tại Điểm h, Khoản 2, Điều 149 Luật Doanh nghiệp và Điểm c, Khoản 3, Điều 27 Điều lệ công ty mà Hội đồng quản trị chưa có ý kiến.

3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư hàng năm.

4. Tình hình tài chính của Công ty gặp những vấn đề khó khăn cần giải quyết vượt quá quyền hạn của Giám đốc.

5. Những cơ hội đầu tư, liên doanh, liên kết mới phát sinh vượt quá quyền hạn của Giám đốc.

6. Người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy chế.

7. Cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của Hội đồng quản trị không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ làm tổn hại đến lợi ích Công ty.

Việc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị phải lập thành văn bản nêu rõ nội dung cụ thể và gửi đến Hội đồng quản trị.

### **Điều 36. Thông báo kết luận của Ban kiểm soát cho Hội đồng quản trị và Giám đốc điều hành**

Thông báo kết luận của Ban kiểm soát gửi Hội đồng quản trị và Giám đốc phải đầy đủ, kịp thời, chính xác, cụ thể như sau:

1. Biên bản họp hoặc thông báo kết luận cuộc họp của Ban kiểm soát;

2. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Giám đốc trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

3. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra. Tùy theo mức độ và kết quả của các cuộc kiểm tra, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc, thống nhất với Hội đồng quản trị, Giám đốc trước khi báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được bảo lưu ý kiến ghi vào Biên bản và báo cáo với cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

4. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cá nhân quản lý khác vi phạm quyền hạn, nghĩa vụ của người quản lý thì phải thông báo ngay bằng văn bản và yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả;

5. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

6. Các nội dung khác cần tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị, Giám đốc phải được gửi trước ít nhất năm (05) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;





**Điều 37. Báo cáo của Giám đốc điều hành với Hội đồng quản trị và gửi Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao**

1. Giám đốc điều hành có trách nhiệm báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi quyền hạn của mình được Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty quy định một cách chính xác, kịp thời cho Hội đồng quản trị và gửi các báo cáo đó cho Ban kiểm soát.

2. Việc báo cáo được thực hiện theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

3. Nội dung báo cáo:

3.1. Báo cáo định kỳ tất cả các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống xã hội tháng, quý, năm;

3.2. Báo cáo đột xuất các vấn đề phát sinh có tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh chưa được báo cáo hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

3.3. Báo cáo tài chính của Công ty theo định kỳ quý, năm.

Ngoài việc gửi báo cáo, Giám đốc điều hành còn có trách nhiệm chỉ đạo các các phòng ban trực thuộc Công ty, cán bộ quản lý nghiệp vụ, người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác cung cấp đầy đủ thông tin cũng như tài liệu cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định.

**Điều 38. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết, vấn đề ủy quyền**

1. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được giao cho Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện.

2. Các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị nhưng Hội đồng quản trị xét thấy cần ủy quyền cho Giám đốc để thực hiện kịp thời hơn thì việc ủy quyền phải được lập thành văn bản và văn bản đó được xem là nghị quyết của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ trì đánh giá, kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề được ủy quyền cho Giám đốc tổ chức thực hiện.

4. Việc đánh giá, kiểm điểm tùy thuộc tính chất nội dung nghị quyết mà tổ chức thành định kỳ hay không theo định kỳ.

**Chương VIII  
SỬA ĐỔI QUY CHẾ**

**Điều 39. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty**

Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này phải được ĐHCĐ xem xét và quyết định.

Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

269568  
IG TY  
PHÂN  
G SẮT  
! THIÊN  
UATHIP

**Chương IX**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 40. Hiệu Lực thi hành**

1. Quy chế này gồm 40 điều, được Đại hội đồng cổ đông công ty nhất trí thông qua ngày      tháng      năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc 1/2 tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Võ Dũng**





**GIẤY ỦY QUYỀN**

**THAM DỰ PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**

**1. Bên ủy quyền:**

Tên cổ đông:.....

Số CMND/ĐKKD:.....Cấp ngày.....Tại.....

Địa chỉ:.....

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần của Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên.

(bằng chữ:.....cổ phần)

**1. Bên nhận ủy quyền:**

Ông (bà):.....

Số CMND:.....Cấp ngày.....Tại.....

Địa chỉ:.....

Số cổ phần ủy quyền:.....

**3. Nội dung ủy quyền:**

- Bên nhận ủy quyền được quyền thay thế bên ủy quyền tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên tổ chức vào hồi 07h00' ngày 10/4/2018 và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 với số phiếu biểu quyết tương ứng số cổ phần được ủy quyền.

- Giấy Ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty.

- Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền cho bên thứ 3 thực hiện các công việc đã được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ỦY QUYỀN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:** Xin vui lòng gửi bản chính Giấy ủy quyền về Công ty trước 16 giờ ngày 06/4/2018



**GIẤY ỦY QUYỀN**  
(theo nhóm)

**THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**

Chúng tôi là những Cổ đông của Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên (có danh sách kèm theo) cùng nhất trí ủy quyền cho:

Ông (bà):.....

Số CMND:.....Cấp ngày.....Tại.....

Địa chỉ:.....

Số cổ phần ủy quyền:.....

**Nội dung ủy quyền:**

- Bên nhận ủy quyền được quyền thay thế bên ủy quyền tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên tổ chức vào hồi 07h00 ngày 10/4/2018 và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 với số phiếu biểu quyết tương ứng số cổ phần được ủy quyền.

- Giấy Ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty.

- Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền cho bên thứ 3 thực hiện các công việc đã được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật.

**ĐẠI DIỆN NHÓM NGƯỜI ỦY QUYỀN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

**Ghi chú:** Xin vui lòng gửi bản chính Giấy ủy quyền về Công ty trước 16 giờ ngày 06/4/2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**



## PHIẾU BIỂU QUYẾT

### I. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Tên cổ đông:

Mã số cổ đông tham dự:

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện:

**Cổ phần**

**Tổng số phiếu biểu quyết:**

**Phiếu**

### II. CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT

	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1. Báo cáo của Giám đốc công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và định hướng sản xuất kinh doanh năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và định hướng Hoạt động năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và định hướng Hoạt động năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán năm 2017	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện năm 2017 và kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8. Phân phối lợi nhuận, trả cổ tức năm 2017, Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Võ Dũng	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Hoàn	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Văn Thanh	Thành viên HĐQT

#### **Ban giám đốc**

Ông Trần Hoàn	Giám đốc
Ông Nguyễn Thiết Hùng	Phó Giám đốc
Ông Trần Kiên Thuận	Phó Giám đốc
Ông Đặng Văn Thanh	Phó Giám đốc

#### **Ban kiểm soát**

Ông Lê Hồng Hải	Trưởng Ban
Bà Trần Anh Tuấn	Ủy viên
Bà Nguyễn Ích Lân	Ủy viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRI THIÊN

Số 18 đường Bảo Quốc, phường Phường Đúc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

---

Ban giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban giám đốc



---

**Trần Hoán**

Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 02 năm 2018

Số: 208/2018/BCKT-PB.00008

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**                   **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên được lập ngày 22 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban giám đốc**

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Phạm Tuấn Vũ**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2030-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2018

**Lê Viết Cường**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2478-2018-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>46.987.625.439</b>	<b>46.405.386.364</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>1.411.581.561</b>	<b>9.696.390.435</b>
1. Tiền	111		1.411.581.561	4.696.390.435
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>35.728.932.247</b>	<b>22.302.283.794</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	29.632.960.386	20.744.757.755
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	786.690.009	182.302.432
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	5.750.316.852	1.375.223.607
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(441.035.000)	-
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>9.635.283.607</b>	<b>14.146.393.751</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.635.283.607	14.146.393.751
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>211.828.024</b>	<b>260.318.384</b>
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	211.828.024	260.318.384
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.533.928.193</b>	<b>13.253.610.918</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>1.174.711.650</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	630.050.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	-	544.661.650
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.998.601.243</b>	<b>11.008.245.368</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	10.998.601.243	11.008.245.368
- Nguyên giá	222		31.358.714.360	29.453.088.029
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.360.113.117)	(18.444.842.661)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>535.326.950</b>	<b>1.070.653.900</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	535.326.950	1.070.653.900
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>58.521.553.632</b>	<b>59.658.997.282</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>37.766.828.488</b>	<b>39.257.396.572</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.766.828.488</b>	<b>39.257.396.572</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	19.214.838.213	16.908.554.643
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	-	3.052.269.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.756.405.174	1.392.385.237
4. Phải trả người lao động	314		11.695.770.101	9.043.099.193
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	2.099.815.000	5.861.088.499
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>20.754.725.144</b>	<b>20.401.600.710</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>20.754.725.144</b>	<b>20.401.600.710</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.500.000.000	18.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		188.600.710	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.066.124.434	1.901.600.710
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.066.124.434	1.901.600.710
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>58.521.553.632</b>	<b>59.658.997.282</b>



Trần Hoán  
Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 02 năm 2018

Trương Thị Mai  
Kế toán trưởng

Phan Thị Hồng Thơm  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2017	Đơn vị tính: VND	
				Từ 08/01/2016 đến 31/12/2016	
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>131.729.969.175</b>	<b>125.166.160.687</b>	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>131.729.969.175</b>	<b>125.166.160.687</b>	
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	120.450.609.723	114.510.794.922	
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>11.279.359.452</b>	<b>10.655.365.765</b>	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	311.529.825	182.900.815	
7. Chi phí tài chính	22	6.4	15.600.000	-	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.600.000	-	
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	9.697.128.367	8.525.971.657	
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.878.160.910</b>	<b>2.312.294.923</b>	
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.002.552.641	82.654.091	
12. Chi phí khác	32	6.7	238.446.407	14.358.501	
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>764.106.234</b>	<b>68.295.590</b>	
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.642.267.144</b>	<b>2.380.590.513</b>	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	576.142.710	478.989.803	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2.066.124.434</b>	<b>1.901.600.710</b>	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.117	1.028	
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	1.117	1.028	



**Trần Hoàn**  
**Giám đốc**

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 02 năm 2018

**Trương Thị Mai**  
**Kế toán trưởng**

**Phan Thị Hồng Thơm**  
**Người lập biểu**

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiêu	MS	Năm 2017	Đơn vị tính: VND Từ 08/01/2016 đến 31/12/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.642.267.144	2.380.590.513
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.915.270.456	1.808.117.328
- Các khoản dự phòng	03	441.035.000	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(311.529.825)	(182.900.815)
- Chi phí lãi vay	06	15.600.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.702.642.775	4.005.807.026
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(12.644.481.443)	1.241.761.780
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.764.633.136	3.076.869.809
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(1.266.000.796)	(7.523.414.504)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	281.803.958	1.832.542.981
- Tiền lãi vay đã trả	14	(15.600.000)	-
- Thuế TNDN đã nộp	15	(570.892.478)	(642.404.904)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	8.754.312.164
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(647.817.520)	(7.677.932.537)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(5.395.712.368)</b>	<b>3.067.541.815</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.905.626.331)	(1.928.200.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	311.529.825	182.900.815
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.594.096.506)</b>	<b>(1.745.299.185)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.295.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.295.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(8.284.808.874)</b>	<b>1.322.242.630</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>9.696.390.435</b>	<b>8.374.147.805</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.411.581.561</b>	<b>9.696.390.435</b>



Trần Hoàn  
Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 02 năm 2018

Trương Thị Mai  
Kế toán trưởng

Phan Thị Hồng Thơm  
Người lập biểu



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300269568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 04/01/2011, đăng ký thay đổi lần 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 11/04/2017.

Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Bình Trị Thiên, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải, ngày 08/01/2016 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình doanh nghiệp cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3300269568.

Trụ sở chính của Công ty tại số 18 Bảo Quốc, phường Phường Đúc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Hỗ trợ vận tải đường sắt;
- Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt. Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, sản xuất đá các loại;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất các thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, đường bộ, trang thiết bị, dụng cụ lao động;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình về giao thông đường sắt, đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường bộ.

#### 1.4 Cấu trúc công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp Kinh doanh dịch vụ và Xây lắp công trình	Số 18, đường Bảo Quốc, thành phố Huế	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

#### 1.5 Lao động bình quân

Số lượng lao động bình quân của Công ty trong năm là 577 người.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **3.3 Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí có liên quan trực tiếp khác;
- Đối với các nhóm hàng tồn kho khác: Giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hoạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Lợi thế kinh doanh*

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014, được phê duyệt theo Quyết định số 2688/QĐ-BGTVT ngày 28/07/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí không quá 03 năm, bắt đầu từ thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

### 4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.11 Doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu xây dựng*

Doanh thu của các công trình xây dựng được ghi nhận theo khối lượng công việc đã được nghiệm thu hoàn thành.

Đối với các trình sửa chữa thường xuyên, doanh thu được ghi nhận theo phần công việc đã nghiệm thu xác nhận khối lượng và chất lượng sản phẩm sửa chữa thường xuyên định kỳ kết cấu hạ tầng đường sắt hoàn thành, được Ban Quản lý Cơ sở hạ tầng đường sắt chấp thuận.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

*Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 4.13 Công cụ tài chính

*Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### 4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	203.376.483	322.463.515
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.208.205.078	4.373.926.920
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.411.581.561</b>	<b>9.696.390.435</b>

#### 5.2 Phải thu khách hàng

##### 5.2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	22.458.683.736	-	14.656.058.060	-
Ban QLĐS Đường sắt KV1-TCT ĐSVN	1.368.789.000	-	-	-
Công ty CP Nam Tân	637.115.996	-	637.115.996	-
Ban QLĐS Đường sắt KV2-TCT ĐSVN	2.077.904.000	-	-	-
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	630.050.000	(441.035.000)	-	-
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Đường sắt Thanh Hóa	787.083.227	-	-	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.673.334.427	-	5.451.583.699	-
<b>Cộng</b>	<b>29.632.960.386</b>	<b>(441.035.000)</b>	<b>20.744.757.755</b>	<b>-</b>

##### 5.2.2 Phải thu của khách hàng dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	-	-	630.050.000	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>630.050.000</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.2.3 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	22.458.683.736	-	14.656.058.060	-
Ban QLĐS Đường sắt KV1-TCT ĐSVN	1.368.789.000	-	-	-
Ban QLĐS Đường sắt KV2-TCT ĐSVN	2.077.904.000	-	-	-
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Đường sắt Thanh Hóa	787.083.227	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>26.692.459.963</b>	<b>-</b>	<b>14.656.058.060</b>	<b>-</b>

**5.3 Trả trước cho người bán****5.3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	20.296.000	-	-	-
Trung tâm Đào tạo nghề Đà Nẵng	163.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hoá	365.335.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	212.938.300	-	147.839.300	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	25.120.709	-	34.463.132	-
<b>Cộng</b>	<b>786.690.009</b>	<b>-</b>	<b>182.302.432</b>	<b>-</b>

**5.3.2 Trả trước cho người bán là bên liên quan**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ Phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	20.296.000	-	-	-
Trung tâm Đào tạo nghề Đà Nẵng	163.000.000	-	-	-
Công ty Cổ Phần Đường sắt Thanh Hoá	365.335.000	-	-	-
Công ty Cổ Phần Vận Tải Đường sắt Hà Nội	212.938.300	-	147.839.300	-
<b>Cộng</b>	<b>761.569.300</b>	<b>-</b>	<b>147.839.300</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.4 Phải thu khác****5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	500.000.000	-
Phải thu khác	5.750.316.852	-	875.223.607	-
Ban QLĐS Đường sắt KV2-TCT ĐSVN	-	-	250.000.000	-
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Phải thu vật tư thu hồi	4.734.157.673	-	-	-
Tiền bảo hiểm nộp thừa	270.337.525	-	288.182.414	-
Tạm ứng công nhân viên	621.422.769	-	194.220.277	-
Các khoản phải thu khác	124.398.885	-	142.820.916	-
<b>Cộng</b>	<b>5.750.316.852</b>	<b>-</b>	<b>1.375.223.607</b>	<b>-</b>

**5.4.2 Phải thu khác dài hạn**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	-	-	544.661.650	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>544.661.650</b>	<b>-</b>

**5.4.3 Phải thu khác của các bên liên quan**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ban QLĐS Đường sắt KV2-TCT ĐSVN	-	-	250.000.000	-
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Phải thu vật tư thu hồi	4.734.157.673	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.734.157.673</b>	<b>-</b>	<b>250.000.000</b>	<b>-</b>

**5.4.4 Nợ xấu**

	<b>31/12/2017</b>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	630.050.000	189.015.000
<b>Cộng</b>	<b>630.050.000</b>	<b>189.015.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.5 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.640.413.256	-	2.505.092.728	-
Công cụ, dụng cụ	531.763.797	-	378.793.376	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.463.106.554	-	11.262.507.647	-
<b>Cộng</b>	<b>9.635.283.607</b>	<b>-</b>	<b>14.146.393.751</b>	<b>-</b>

**Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
CT cứu chữa trật bánh 2015 km 611-613 (i)	4.501.020.182	4.501.020.182
CT Đường sắt trên cao Cát Linh - Hà Đông	586.478.733	1.291.109.216
Các dự án khác	375.607.639	5.470.378.249
<b>Cộng</b>	<b>5.463.106.554</b>	<b>11.262.507.647</b>

(i) Theo quyết định 912/QĐ-ĐS ngày 28 tháng 06 năm 2016 của Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc bồi thường thiệt hại do sự cố, tai nạn giao thông đường sắt trong vụ tai nạn tàu HBN1T1 xảy ra ngày 04 tháng 06 năm 2015, Công ty Cổ Phần Vận tải đường sắt Sài Gòn chịu trách nhiệm đền bù cho Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên số tiền 5.098.605.000 VND. Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên chưa ghi nhận doanh thu từ việc nhận bồi thường và giá vốn tương ứng do Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn có công văn số 1945/VTSG-AT-BVANQP ngày 20/12/2016 về việc Công ty chưa thống nhất kết quả phân tích và quy trách nhiệm. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công trình cứu chữa trật bánh 2015 km 611-613 sẽ được thu hồi trong năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN  
Số 18 đường Bảo Quốc, phường Phương Đức, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6	Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
	Số dư tại 01/01/2017	17.117.852.912	4.381.709.875	7.877.851.751	75.673.491	29.453.088.029
	Mua trong kỳ	-	1.476.800.000	-	-	1.476.800.000
	Đầu tư XDCB hoàn thành	428.826.331	-	-	-	428.826.331
	<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>17.546.679.243</b>	<b>5.858.509.875</b>	<b>7.877.851.751</b>	<b>75.673.491</b>	<b>31.358.714.360</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
	Số dư tại 01/01/2017	10.674.352.268	2.160.788.500	5.568.227.066	41.474.827	18.444.842.661
	Khấu hao trong năm	1.008.158.700	247.316.700	653.290.840	6.504.216	1.915.270.456
	<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>11.682.510.968</b>	<b>2.408.105.200</b>	<b>6.221.517.906</b>	<b>47.979.043</b>	<b>20.360.113.117</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
	Số dư tại 01/01/2017	6.443.500.644	2.220.921.375	2.309.624.685	34.198.664	11.008.245.368
	<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>5.864.168.275</b>	<b>3.450.404.675</b>	<b>1.656.333.845</b>	<b>27.694.448</b>	<b>10.998.601.243</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

104.761.905

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.7 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
Lợi thế kinh doanh	535.326.950	1.070.653.900
<b>Cộng</b>	<b>535.326.950</b>	<b>1.070.653.900</b>

**5.8 Phải trả người bán****5.8.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	2.102.397.373	2.102.397.373	1.121.783.448	1.121.783.448
Ông Nguyễn Thứ	844.564.088	844.564.088	2.920.748.907	2.920.748.907
Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	2.894.125.100	2.894.125.100	1.849.216.000	1.849.216.000
Công ty Cổ phần TM và Tư vấn Tân Cơ	-	-	3.474.638.902	3.474.638.902
Công ty CP Tổng Công ty Công trình Đường sắt	6.232.380.000	6.232.380.000	-	-
Các khoản phải trả đối tượng khác	7.141.371.652	7.141.371.652	7.542.167.386	7.542.167.386
<b>Cộng</b>	<b>19.214.838.213</b>	<b>19.214.838.213</b>	<b>16.908.554.643</b>	<b>16.908.554.643</b>

**5.8.2 Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đường sắt Thanh Hoá	-	-	1.056.782.000	1.056.782.000
Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	-	-	51.077.000	51.077.000
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	2.102.397.373	2.102.397.373	1.121.783.448	1.121.783.448
Công ty CP Đường sắt Hà Hải	8.899.000	8.899.000	8.244.000	8.244.000
Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	803.908.704	803.908.704	-	-
Công ty CP Tổng công ty Công trình Đường sắt	6.232.380.000	6.232.380.000	-	-
Công ty TTTH ĐS Đà Nẵng	769.027.000	769.027.000	390.000.000	390.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.916.612.077</b>	<b>9.916.612.077</b>	<b>2.627.886.448</b>	<b>2.627.886.448</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.9 Người mua trả tiền trước**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án trọng điểm huyện Phú Lộc	-	-	3.052.269.000	3.052.269.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.052.269.000</b>	<b>3.052.269.000</b>

**5.10 Phải trả khác****5.10.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	2.099.815.000	2.099.815.000	5.089.794.023	5.089.794.023
Phải trả về cổ phần hóa	-	-	771.294.476	771.294.476
<b>Cộng</b>	<b>2.099.815.000</b>	<b>2.099.815.000</b>	<b>5.861.088.499</b>	<b>5.861.088.499</b>

**5.10.2 Phải trả khác cho các bên liên quan**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	2.099.815.000	2.099.815.000	5.089.794.023	5.089.794.023
<b>Cộng</b>	<b>2.099.815.000</b>	<b>2.099.815.000</b>	<b>5.089.794.023</b>	<b>5.089.794.023</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN

Số 18 đường Bảo Quốc, phường Phường Đúc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.649.890.812	7.205.845.936	7.564.615.641	-	1.291.121.107
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	106.514.362	570.892.478	576.142.710	-	101.264.130
Thuế thu nhập cá nhân	211.828.024	-	332.112.778	380.603.138	260.318.384	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	23.141.800	23.141.800	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>211.828.024</b>	<b>1.756.405.174</b>	<b>8.135.992.992</b>	<b>8.548.503.289</b>	<b>260.318.384</b>	<b>1.392.385.237</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.12 Vay và nợ thuế tài chính**

**5.12.1 Vay ngắn hạn**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (i)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Huế	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

(i) Hợp đồng vay vốn số 547/2015/HEVV tháng 11/2015:

- Số tiền cho vay 3.000.000.000 VND;
- Ngày trả nợ là ngay sau khi Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn thanh toán chi phí khắc phục hậu quả trật bánh cho Công ty.
- Mục đích sử dụng để chi trả khắc phục hậu quả tàu trật bánh ngày 04/06/2015 tại km 611+520 đến km 613+749 Tuyến đường sắt Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh;
- Lãi suất 0%/tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN  
Số 18 đường Bảo Quốc, phường Phương Đức, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5.12.2 Vay các bên liên quan**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	-	-	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

**5.13 Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại 08/01/2016</b>	<b>6.253.060.105</b>	<b>7.296.819.512</b>	-	-	<b>13.549.879.617</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.901.600.710	1.901.600.710
Tăng khác	12.246.939.895	-	-	-	12.246.939.895
Giảm khác	-	(7.296.819.512)	-	-	(7.296.819.512)
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>18.500.000.000</b>	-	-	<b>1.901.600.710</b>	<b>20.401.600.710</b>
<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>18.500.000.000</b>	-	-	<b>1.901.600.710</b>	<b>20.401.600.710</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	2.066.124.434	2.066.124.434
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(1.295.000.000)	(1.295.000.000)
Trích lập quỹ (i)	-	-	188.600.710	-	188.600.710
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(606.600.710)	(606.600.710)
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>18.500.000.000</b>	-	<b>188.600.710</b>	<b>2.066.124.434</b>	<b>20.754.725.144</b>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên năm 2017 số 01-17/NQ-DHĐCĐ ngày 30/03/2017 trong đó:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 418.000.000 VND
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển: 188.600.710 VND
- Chia cổ tức: 1.295.000.000 VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017	Từ 08/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	18.500.000.000	6.253.060.105
Vốn góp tăng trong năm	-	12.246.939.895
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	18.500.000.000	18.500.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>1.295.000.000</b>	-

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty Đường Sắt Việt Nam	943.500	9.435.000.000	51%	943.500	9.435.000.000	51%
Các đối tượng khác	906.500	9.065.000.000	49%	906.500	9.065.000.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>1.850.000</b>	<b>18.500.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.850.000</b>	<b>18.500.000.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>1.850.000</b>	<b>1.850.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>1.850.000</b>	<b>1.850.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.850.000	1.850.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>1.850.000</b>	<b>1.850.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.850.000	1.850.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm 2017	Từ 08/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	131.729.969.175	125.166.160.687
<b>Cộng</b>	<b>131.729.969.175</b>	<b>125.166.160.687</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan**

	Năm 2017 VND	Từ 08/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	117.479.460.151	115.851.544.665
Ban QLDA Đường sắt Khu vực 1 - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.244.353.636	-
Ban QLDA Đường sắt Khu vực 2 - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	3.287.087.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Đường sắt Thanh Hóa - XNXD Công trình	703.219.442	-
Công ty Cổ Phần Đường sắt Quảng Bình	976.512.728	2.373.132.727
Công ty Cổ Phần Đường sắt Thanh Hóa	1.633.717.479	-
Công ty Cổ Phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	102.622.727	-
Công ty CP Tổng công ty Công trình Đường sắt	201.951.818	-
<b>Cộng</b>	<b>125.628.924.981</b>	<b>118.224.677.392</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Từ 08/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	120.450.609.723	114.510.794.922
<b>Cộng</b>	<b>120.450.609.723</b>	<b>114.510.794.922</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Từ 08/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	311.529.825	182.900.815
<b>Cộng</b>	<b>311.529.825</b>	<b>182.900.815</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2017 VND	Từ 08/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Lãi tiền vay	15.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>15.600.000</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017	Từ 08/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.682.681.201	6.357.630.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.014.447.166	2.168.341.657
<b>Cộng</b>	<b>9.697.128.367</b>	<b>8.525.971.657</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	Năm 2017	Từ 08/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Tăng thu nhập khác theo biên bản kiểm toán Nhà nước	900.000.000	-
Các khoản khác	102.552.641	82.654.091
<b>Cộng</b>	<b>1.002.552.641</b>	<b>82.654.091</b>

**6.7 Chi phí khác**

	VND	VND
Giảm trừ giá trị quyết toán	161.989.916	-
Nộp thuế theo biên bản kiểm toán Nhà nước	44.559.711	-
Các khoản khác	31.896.780	14.358.501
<b>Cộng</b>	<b>238.446.407</b>	<b>14.358.501</b>

**6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.642.267.144	2.380.590.513
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	238.446.407	14.358.501
Các khoản điều chỉnh tăng	238.446.407	14.358.501
Giảm trừ giá trị quyết toán	161.989.916	-
Nộp thuế theo biên bản kiểm toán Nhà nước	44.559.711	3.340.319
Các khoản khác	31.896.780	11.018.182
Thu nhập tính thuế TNDN	2.880.713.551	2.394.949.014
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành</b>	<b>576.142.710</b>	<b>478.989.803</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 6.9 Lãi trên cổ phiếu

#### 6.9.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.066.124.434	1.901.600.710
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.066.124.434	1.901.600.710
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.850.000	1.850.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.117</b>	<b>1.028</b>

Điều lệ hoạt động và quy chế tài chính của Công ty không quy định cụ thể về việc phải trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Đồng thời, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa đến kỳ tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Theo đó, Công ty không ước tính quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích lập khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### 6.9.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.066.124.434	1.901.600.710
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	2.066.124.434	1.901.600.710
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.850.000	1.850.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.117</b>	<b>1.028</b>

### 6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Từ 08/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.219.110.339	43.690.869.663
Chi phí nhân công	65.033.356.429	60.429.801.775
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.915.270.456	1.808.117.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.916.237.261	12.541.228.991
Chi phí khác bằng tiền	9.970.378.804	11.154.685.827
<b>Cộng</b>	<b>129.054.353.289</b>	<b>129.624.703.584</b>

## 7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 7.1 Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

**7.3 Công cụ tài chính****Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị ghi sổ			
	Giá gốc VND	31/12/2017 Dự phòng VND	Giá gốc VND	01/01/2017 Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.411.581.561	-	9.696.390.435	-
Phải thu khách hàng	29.632.960.386	(441.035.000)	21.374.807.755	-
Phải thu khác	5.750.316.852	-	1.919.885.257	-
<b>Cộng</b>	<b>36.794.858.799</b>	<b>(441.035.000)</b>	<b>32.991.083.447</b>	<b>-</b>

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả người bán	19.214.838.213	16.908.554.643
Phải trả khác	2.099.815.000	5.861.088.499
<b>Cộng</b>	<b>24.314.653.213</b>	<b>25.769.643.142</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất, giá hàng hóa và giá cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****Rủi ro về lãi suất**

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.411.581.561	-	-	1.411.581.561
Phải thu khách hàng	29.191.925.386	-	-	29.191.925.386
Phải thu khác	5.750.316.852	-	-	5.750.316.852
<b>Cộng</b>	<b>36.353.823.799</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>36.353.823.799</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.696.390.435	-	-	9.696.390.435
Phải thu khách hàng	20.744.757.755	630.050.000	-	21.374.807.755
Phải thu khác	1.375.223.607	544.661.650	-	1.919.885.257
<b>Cộng</b>	<b>31.816.371.797</b>	<b>1.174.711.650</b>	<b>-</b>	<b>32.991.083.447</b>

Công ty xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Phải trả người bán	19.214.838.213	-	-	19.214.838.213
Phải trả khác	2.099.815.000	-	-	2.099.815.000
<b>Cộng</b>	<b>24.314.653.213</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>24.314.653.213</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Phải trả người bán	16.908.554.643	-	-	16.908.554.643
Phải trả khác	5.861.088.499	-	-	5.861.088.499
<b>Cộng</b>	<b>25.769.643.142</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>25.769.643.142</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 7.4 Thông tin về các bên liên quan

#### 7.4.1 Danh sách bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	Công ty con của TCT đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Công ty con của TCT đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình	Công ty con của TCT đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần TTTH Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con của TCT đường sắt Việt Nam
Ban QLDA Đường Sắt KV1-TCT ĐSVN	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Ban QLDA Đường Sắt KV2-TCT ĐSVN	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Đường Sắt Thanh Hóa	Công ty con của TCT đường sắt Việt Nam
Trung tâm Đào tạo nghề Đà Nẵng	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ Phần Vận Tải ĐS Hà Nội	Công ty con của TCT đường sắt Việt Nam
Công ty CP Đường Sắt Thanh Hoá	Công ty con của TCT đường sắt Việt Nam
Tổng công ty Công trình đường sắt	Công ty liên kết của TCT đường sắt Việt Nam

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### 7.4.2 Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<b>Năm 2017</b> <b>VND</b>
<b>Tổng công ty Đường Sắt Việt Nam</b>	
- Thuê máy móc thiết bị	1.835.134.202
- Thuê nhà	267.263.171
- Nhận tiền từ hoạt động sửa chữa thường xuyên	120.507.677.491
- Trả tiền công nợ	856.073.320
- Trả tiền thuê máy móc, TSCĐ, cổ phần hóa	2.579.964.676
- Trả tiền mua ray	1.121.783.448
<b>Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng</b>	
- Thuê máy chèn áo	254.276.364
- Trả tiền thuê máy chèn áo	351.077.000
<b>Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải</b>	
- Thuê kiểm tra chất lượng kĩ thuật cầu đường	8.090.000
- Trả tiền thuê máy	8.244.000
<b>Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình</b>	
- Thuê thi công	1.186.761.299
- Nhận tiền thi công công trình	1.642.713.000
- Nhận tiền thưởng tiến độ công trình	100.000.000
<b>Công ty Cổ phần TTTH Đường sắt Đà Nẵng</b>	
- Thuê thi công	1.408.206.364
- Trả tiền công trình	1.170.000.000
<b>Ban QLĐS Đường Sắt KV2-TCT ĐSVN</b>	
- Nhận tiền trông coi vật tư thu hồi	1.238.852.700
- Nhận lại tiền tạm ứng	250.000.000
<b>Công ty Cổ Phần Vận Tải ĐS Hà Nội</b>	
- Thuê vận chuyển	1.849.910.000
- Trả tiền thuê vận chuyển	2.100.000.000
<b>Công ty CP Đường Sắt Thanh Hoá</b>	
- Thuê máy sàng đá	1.495.155.455
- Trả tiền thuê máy sàng đá	2.056.782.000
<b>Trung tâm Đào tạo nghề Đà Nẵng</b>	
- Trả tiền đào tạo	163.000.000
<b>Công ty CP Tổng công ty Công trình Đường Sắt</b>	
- Mua ray và phụ kiện	8.094.000.000
- Trả tiền tạm ứng mua ray	2.671.020.000
<b>Chi nhánh Công Ty CP QLĐS Nghĩa Bình</b>	
- Mua tà vẹt bê tông	172.890.000
<b>Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt</b>	
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc	2.008.800.000

### 7.4.3 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã trình bày ở các Thuyết minh trên.

### 7.5 Báo cáo bộ phận

Hoạt động của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động duy tu, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN

Số 18 đường Bảo Quốc, phường Phường Đúc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


### 7.6 Số liệu so sánh


Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu từ ngày 08/01/2016 đến ngày 31/12/2016 do công ty chính thức hoạt động theo mô hình Doanh nghiệp Cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3300269568 từ ngày 08/01/2016.



**Trần Hoán**  
**Giám đốc**

*Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 02 năm 2018*

  
**Trương Thị Mai**  
**Kế toán trưởng**

  
**Phan Thị Hồng Thơm**  
**Người lập biểu**